



UBND QUẬN LONG BIÊN

TRƯỜNG THCS THANH AM



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HKII KHỐI 8

Họ và tên:.....

Lớp:

Năm học 2024-2025

Thứ	Thời gian	Buổi	Tiết	Môn	Lớp	GV coi thi
Năm	17/4/2025	Sáng	2	Công nghệ	6,7,8	Theo TKB
			4	GDĐP	6,7,8	Theo TKB
Sáu	18/4/2025	Sáng	3-4	LS&DL	6,7,8	Theo TKB
Hai	21/4/2025	Sáng	4	GD&CD	6,7,8	Theo TKB
Ba	22/4/2025	Sáng	3-4	KHTN	6,7,8	Theo TKB
Tư	23/4/2025	Sáng	2	HĐTNHN	6,7,8	Theo TKB
			4	Tin	6,7,8	Theo TKB
Năm	24/4/2025	Sáng	3-4	Ngữ văn	6,7,8	Theo phân công
Sáu	25/4/2025	Sáng	3-4	Toán	6,7,8	Theo phân công
Hai	28/4/2025	Sáng	3-4	Tiếng Anh	6,7,8	Theo phân công

MÔN: HĐTN – HƯỚNG NGHIỆP 8

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

*** Chủ đề 7: Em với thiên nhiên và môi trường**

Bài 1: Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi.

Bài 2: Truyền thông về biện pháp phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương.

Yêu cầu cần đạt:

- Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên.
- Tuyên truyền vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu, không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ động vật quý hiếm.

*** Chủ đề 8: Khám phá thế giới nghề nghiệp**

Bài 1: Nghề nghiệp phổ biến trong xã hội hiện tại.

Yêu cầu cần đạt:

- Trình bày được giá trị của nghề nghiệp trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.
- Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI: 100% trắc nghiệm

III. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Thiên tai là hiện tượng tự nhiên có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Để giảm thiểu tác động của thiên tai, cần áp dụng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó hiệu quả. Biện pháp nào sau đây giúp giảm thiểu tác động của thiên tai?

- A. Xây dựng các công trình kiên cố
- B. Trồng cây xanh
- C. Cải tạo đất
- D. Di chuyển đến các vùng không có thiên tai

Câu 2. Trong xã hội hiện đại, mỗi người đều có một nghề nghiệp riêng, và mỗi nghề đều đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của cộng đồng. Tuy nhiên, một số nghề nghiệp có thể phổ biến hơn và được nhiều người lựa chọn. Theo em, nghề nghiệp phổ biến là gì?

- A. Là những nghề có mặt ở một số nơi nhất định, được nhiều người lựa chọn, tham gia trong xã hội hiện nay.
- B. Là những nghề có mặt ở một số nơi, được nhiều người lựa chọn, tham gia trong xã hội hiện nay.
- C. Là những nghề có mặt ở nhiều nơi, được nhiều người lựa chọn, tham gia trong xã hội hiện nay.
- D. Là những nghề có mặt ở nhiều nơi, được một nhóm người lựa chọn, tham gia trong xã hội hiện nay.

Câu 3. Điều **không** phải là phẩm chất, năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại?

- A. Thường xuyên cập nhật các kiến thức, kỹ năng mới để đáp ứng yêu cầu công việc.
- B. Có khả năng đề xuất và thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề.
- C. Tuân thủ các quy định, nội quy trong lao động.
- D. Giữ vững những kiến thức cũ mà chưa thể cập nhật các kiến thức mới.

Câu 4. Để trở thành nhà ngoại giao, người ta cần học nhiều môn học khác nhau. Tuy nhiên, không phải môn nào cũng quan trọng. Điều **không** phải là môn học cần học để trở thành một nhà ngoại giao?

- A. Toán học.
- B. Văn học.
- C. Hóa học.
- D. Ngoại ngữ.

Câu 5. Đâu **không** phải là một nghề thuộc nhóm nghề khai khoáng, công nghiệp chế tạo, chế biến?

- A. Kỹ sư thăm dò địa chất, khoáng sản.
- B. Chế biến thực phẩm.
- C. Thiết kế, chế tạo, lắp ráp điện thoại.
- D. Ươm giống cây lâm nghiệp.

Câu 6. Ý kiến nào sau đây **không** phải biện pháp đề phòng và giảm nhẹ rủi ro do bão gây ra?

- A. Sơ tán người và vật nuôi đến nơi an toàn khi cần thiết.
- B. Theo dõi các thông báo từ các kênh thông tin, truyền thông đại chúng về diễn biến của bão.
- C. Ra ngoài trời để quay lại quá trình bão đổ bộ để làm tư liệu.
- D. Chuẩn bị các vật dụng cần thiết để chống bão như đèn pin, áo phao, áo mưa...

Câu 7. Ý kiến nào sau đây **không** đúng khi nói về thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp?

- A. Chỉ có những người lao động nặng nhọc mới nhận được sự tôn trọng của mọi người.
- B. Mọi ngành nghề, công việc đều bình đẳng như nhau và đều nhận được sự tôn trọng.
- C. Tránh đưa ra sự so sánh giữa cách công việc để thể hiện sự tôn trọng với người lao động thực hiện công việc đó.
- D. Có các nhìn khách quan về các công việc cũng như người lao động trong ngành nghề đó.

Câu 8. Ý kiến nào sau đây **không** phải cách để rèn luyện năng lực tự học?

- A. Tự đặt mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.
- B. Tìm kiếm lời giải trên mạng khi gặp các bài khó.
- C. Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập.
- D. Điều chỉnh những sai sót.

Câu 9. A là người yêu động vật, yêu thơ ca, đặc biệt thích hoạt động thiên nhiên bên ngoài, trải nghiệm cuộc sống. Theo em, A phù hợp với nhóm nghề nào?

- A. Hành chính.
- B. Chuyên môn trong lĩnh vực khoa học.
- C. Môi trường.
- D. Văn hóa – nghệ thuật – thể dục thể thao.

Câu 10. Theo em, đâu là lí do cần hướng nghiệp?

- A. Góp phần giảm tình trạng thất nghiệp sau khi ra trường của sinh viên.
- B. Giúp học sinh định hướng được công việc trong tương lai.
- C. Định hướng cơ cấu ngành dọc trong thị trường lao động.
- D. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thêm sự lựa chọn về nhân công trong tương lai.

Câu 11. Đâu không phải là môn học cần học để trở thành một bác sĩ?

- A. Toán học.
- B. Hóa học.
- C. Văn học.
- D. Sinh học.

Câu 12. D là người ngăn nắp, tỉ mỉ, có năng lực tổ chức, yêu động vật, yêu thơ ca, đặc biệt thích hoạt động giao lưu, trải nghiệm cuộc sống. Theo em, D phù hợp với nhóm nghề nào?

- A. Nghề chuyên môn về sức khỏe.
- B. Nghề hành chính.
- C. Thông tin, truyền thông.
- D. Nghề môi trường.

Câu 13. Đâu không phải là phải cách để rèn luyện sức khỏe, độ bền, tính kiên trì và chăm chỉ trong công việc?

- A. Tập thể dục, chạy bộ hằng ngày.
- B. Chuyên cần học tập, khi gặp bài tập khó chủ động tìm cách giải.

C. Tham gia việc nhà, không lười biếng, ỷ lại.

D. Tham khảo bài của bạn hoặc tìm kiếm lời giải trên mạng khi không nghĩ ra cách làm bài tập.

Câu 14. Theo em, thợ cơ khí cần có những yêu cầu gì về năng lực, phẩm chất?

A. Có khả năng phân tích báo cáo, số liệu.

B. Có kĩ năng giao tiếp, xử lí tình huống tốt.

C. Có ngoại hình ưa nhìn.

D. Nắm chắc những kiến thức cơ bản về cơ khí.

Câu 15. Đâu không phải là nhà chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông?

A. Quản trị mạng.

B. Lập trình viên đa phương tiện.

C. Nhân viên marketing.

D. Quản trị nhân lực.

Câu 16. Ý kiến nào sau đây không đúng khi nói về cách bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh ở địa phương đối với học sinh?

A. Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên.

B. Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

C. Ban hành các quy định về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

D. Vận động, tuyên truyền người dân bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và danh lam thắng cảnh.

Câu 17. Ý kiến nào sau đây không phải cách để rèn luyện phẩm chất có trách nhiệm?

A. Luôn giúp đỡ người khác

B. Tự chủ trong các mối quan hệ trong cuộc sống và trên mạng xã hội.

C. Hoàn thành các nhiệm vụ được giao hoặc nhận thực hiện.

D. Tích cực tham gia các hoạt động của trường lớp, địa phương.

Câu 18. C là người ngăn nắp, nhanh nhẹn, có năng lực sắp xếp công việc, thích giao tiếp và làm quen với mọi người. Theo em, C phù hợp với công việc gì?

A. Nhân viên dịch vụ và bán hàng.

B. Nhà nghiên cứu thị trường.

C. Thư kí hành chính và nhân viên chuyên môn khác.

D. Nhà giáo hoặc chuyên gia giáo dục.

Câu 19. B là người ngăn nắp, tỉ mỉ, có năng lực tổ chức, yêu động vật, yêu thơ ca, đặc biệt thích hoạt động thiên nhiên bên ngoài, trải nghiệm cuộc sống. Theo em, B phù hợp với công việc nào?

A. Thư kí hành chính và nhân viên chuyên môn khác.

B. Nhà tư vấn nông, lâm nghiệp và thủy sản.

C. Nhà văn, nhà báo hoặc nhà ngôn ngữ học.

D. Nhân viên dịch vụ và bán hàng.

Câu 20. Theo em, đặc trưng của nghề thiết kế thời trang là gì?

A. Chăm sóc, dỗ dành, yêu thương, dạy dỗ, chơi đùa cùng trẻ.

B. Kiểm tra, truyền đạt kiến thức, quan tâm đến tâm sinh lí của trẻ.

C. Cẩn cù, chịu khó, ươm mầm, gieo trồng trên các cánh đồng.

D. Đo đạc, tạo mẫu, cắt ghép, ghép các mảnh lại thành một thể hoàn chỉnh.

Câu 21. Khi tham gia hoạt động thiện nguyện, bạn có thể giúp đỡ những người gặp khó khăn như thế nào?

A. Chỉ giúp về mặt tài chính

B. Bằng cách giúp đỡ tinh thần và tài vật

- C. Để họ tự giải quyết vấn đề
- D. Chỉ giúp khi có lợi cho bản thân

Câu 22. Biện pháp nào giúp hạn chế tác động của bão đến cộng đồng?

- A. Xây dựng nhà cửa kiên cố và chịu được bão
- B. Chạy ra biển tránh bão
- C. Không chuẩn bị các phương án ứng phó
- D. Cắt cây xanh gần nhà

Câu 23. Sự kiện Giờ Trái Đất chủ yếu nhấn mạnh việc?

- A. Tiết kiệm nước
- B. Tắt đèn và tiết kiệm năng lượng
- C. Bảo vệ động vật hoang dã
- D. Xử lý rác thải nhựa

Câu 24. Chúng ta có thể làm gì để giảm tác động của thiên tai?

- A. Xem thiên tai như chuyện bình thường
- B. Lập kế hoạch phòng tránh và ứng phó
- C. Chỉ đợi các cơ quan chức năng làm việc
- D. Chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân

Câu 25. Cách nào sau đây giúp giảm bớt tình trạng thiếu nước ngọt trên thế giới?

- A. Tăng cường khai thác nước ngầm
- B. Tạo ra nhiều hồ chứa nước nhân tạo
- C. Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và bảo vệ nguồn nước
- D. Tăng sản xuất nông sản

Câu 26. Khi xảy ra lũ lụt, biện pháp nào dưới đây là quan trọng nhất?

- A. Tìm nơi trú ẩn cao ráo và an toàn
- B. Chạy ra ngoài chơi
- C. Tiếp tục làm việc bình thường
- D. Đi thăm các vùng bị ảnh hưởng

Câu 27. Nước biển dâng cao là một trong những hậu quả của?

- A. Biến đổi khí hậu
- B. Thực hiện các chiến lược bảo vệ môi trường
- C. Các hoạt động nhân đạo
- D. Xử lý rác thải không đúng cách

Câu 28. Hành động nào sau đây không giúp giảm rủi ro thiên tai?

- A. Xây dựng nhà ở tại khu vực dễ bị sạt lở
- B. Cải tạo rừng ngập mặn ven biển
- C. Đào tạo cộng đồng về phòng tránh thiên tai
- D. Lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm

Câu 29. Giới trẻ có thể tham gia hành động gì để giảm nhẹ rủi ro thiên tai?

- A. Tổ chức các hoạt động thiện nguyện tại nơi bị ảnh hưởng
- B. Trồng cây và bảo vệ môi trường
- C. Xây dựng các công trình kiên cố
- D. Tạo ra nhiều sản phẩm nhựa

Câu 30. Công trình nào có tác dụng giảm thiểu lũ lụt?

- A. Cây cầu
- B. Đập nước và hồ chứa

C. Bệnh viện

D. Tòa nhà cao tầng

Câu 31. Khi tham gia các hoạt động thiện nguyện, chúng ta cần chuẩn bị gì?

A. Chỉ cần tâm huyết

B. Tiền bạc là quan trọng nhất

C. Đôi giày mới và quần áo đẹp

D. Tinh thần chia sẻ và sự hiểu biết về hoạt động

Câu 32. Trong trường hợp thiên tai xảy ra, cách nào dưới đây giúp ích cho cộng đồng?

A. Giữ lại tài sản cá nhân

B. Giúp đỡ người gặp khó khăn và mất mát

C. Bỏ chạy và không liên lạc với ai

D. Trốn trong nhà và không ra ngoài

Câu 33. Hoạt động nào có thể giảm thiểu sự ô nhiễm không khí?

A. Sử dụng xe điện thay vì xe xăng

B. Đốt rác ngoài trời

C. Sử dụng năng lượng hóa thạch

D. Trồng cây nhưng không chăm sóc

Câu 34. Biện pháp nào dưới đây giúp giảm bớt ô nhiễm rác thải nhựa?

A. Sử dụng túi nhựa dùng một lần

B. Tái chế và sử dụng lại vật liệu nhựa

C. Vứt rác bừa bãi

D. Sử dụng sản phẩm nhựa cao cấp

Câu 35. Khi tham gia chương trình Giờ Trái Đất, người dân nên làm gì?

A. Tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết

B. Tiếp tục sử dụng điện một cách bình thường

C. Đi ra ngoài ăn tối

D. Dùng điện thoại nhiều hơn

Câu 36. Hỗ trợ thiên tai cần có sự tham gia của?

A. Chính quyền, cộng đồng và các tổ chức

B. Chính quyền và các tổ chức nước ngoài

C. Chỉ các tổ chức quốc tế

D. Cư dân khu vực không bị thiên tai

Câu 37. Lượng nước ngọt trên thế giới ngày càng cạn kiệt do?

A. Thực hiện tiết kiệm nước trong sinh hoạt

B. Khai thác nước quá mức và ô nhiễm nguồn nước

C. Tăng trưởng dân số

D. Sự thay đổi trong thói quen sinh hoạt

Câu 38. Giờ Trái Đất diễn ra vào thời gian nào mỗi năm?

A. Ngày 22 tháng 3

B. Cuối tháng 12

C. Thứ bảy cuối tháng 3

D. Ngày 1 tháng 5

Câu 39. Giảm thiểu lũ lụt trong cộng đồng cần sự phối hợp của?

A. Mỗi cá nhân riêng biệt

B. Các tổ chức từ thiện

C. Chính phủ, cộng đồng và các tổ chức

D. Các công ty du lịch

Câu 40. Khi tham gia hoạt động thiện nguyện, điều quan trọng nhất là?

A. Được trả tiền

B. Giúp đỡ và chia sẻ khó khăn với người khác

C. Chỉ giúp đỡ người thân

D. Tạo dựng danh tiếng

Câu 41. Hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần sẽ giúp giảm thiểu?

A. Tăng trưởng kinh tế

B. Ô nhiễm môi trường và rác thải nhựa

C. Sự phát triển của các ngành công nghiệp

D. Nhu cầu năng lượng

Câu 42. Người làm nghề bác sĩ có nhiệm vụ gì?

A. Chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân

B. Xây dựng nhà ở

C. Thiết kế phần mềm

D. Trồng cây xanh

Câu 43. Người làm nghề kỹ sư phần mềm chủ yếu làm gì?

A. Tạo ra các ứng dụng và phần mềm máy tính

B. Xây dựng các công trình nhà ở

C. Sản xuất điện thoại

D. Chăm sóc cây trồng

Câu 44. Nhà báo có trách nhiệm gì?

A. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

B. Thu thập và đưa tin về các sự kiện trong xã hội

C. Sửa chữa các thiết bị điện tử

D. Quản lý tài chính cho các công ty

Câu 45. Nghề nào dưới đây liên quan đến việc thiết kế thời trang?

A. Kỹ sư cơ khí

B. Nhà thiết kế thời trang

C. Thợ mộc

D. Bác sĩ

Câu 46. Chức năng của nghề giáo viên là gì?

A. Dạy học và truyền đạt kiến thức cho học sinh

B. Chữa bệnh cho học sinh

C. Xây dựng cơ sở hạ tầng trường học

D. Giám sát các hoạt động thể thao

Câu 47. Một người làm nghề kỹ sư cơ khí sẽ làm gì?

A. Xây dựng và bảo trì các công trình xây dựng

B. Thiết kế các máy móc và thiết bị cơ khí

C. Điều trị bệnh cho bệnh nhân

D. Quản lý tài chính doanh nghiệp

Câu 48. Những người làm nghề luật sư có nhiệm vụ gì?

A. Giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền lợi của khách hàng

B. Xây dựng các công trình lớn

C. Quản lý các công ty công nghệ

D. Dạy học tại các trường học

Câu 49. Hành động nào dưới đây giúp bảo vệ rừng?

- A. Trồng cây xanh và bảo vệ rừng
- B. Chặt cây để xây dựng nhà ở
- C. Phá rừng để làm nông nghiệp
- D. Tăng cường khai thác gỗ

Câu 50. Biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu và ảnh hưởng đến môi trường sống. Các hoạt động thích hợp có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của nó. Hoạt động nào giúp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu?

- A. Tăng cường sử dụng nhiên liệu hóa thạch
- B. Cải tạo và trồng lại rừng
- C. Xây dựng các công trình bê tông lớn
- D. Sử dụng nhiều sản phẩm nhựa

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 8

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

- Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884
- Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896.
- Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ thế kỉ XX đến năm 1917.

B. PHẦN ĐỊA LÝ

Bài 10: Sinh vật Việt Nam

Bài 11: Phạm vi biển Đông. Vùng biển và đặc điểm tự nhiên vùng Biển đảo Việt Nam.

Bài 12: Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- Trắc nghiệm: 70%

- Tự luận: 30%

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP TỰ LUẬN

A. PHẦN LỊCH SỬ

Câu 1. Chỉ ra sự khác nhau giữa cuộc khởi nghĩa Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương.

Câu 2. Vì sao nói cuộc khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

Câu 3. Hãy tóm tắt ngắn gọn những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1917. Vì sao Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước tiền bối?

Câu 4. Giới thiệu ngắn gọn về một công trình kiến trúc thời Pháp thuộc vẫn được bảo tồn đến ngày nay ở địa phương em.

B. PHẦN ĐỊA LÝ

Câu 1: Trình bày đặc điểm địa hình của vùng biển đảo Việt Nam.

Câu 2: Chứng minh địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu là do tác động kết hợp của sóng biển, thủy triều, sông ngòi và hoạt động kiến tạo.

Câu 3: Hãy nêu các kiểu hệ sinh thái ở nước ta.

Câu 4: Tài nguyên du lịch biển nước ta có những đặc trưng gì?

MÔN: GDCD KHỐI 8

A. Phạm vi ôn tập

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

- Phòng chống bạo lực gia đình.
- Lập kế hoạch chi tiêu.
- Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

* Yêu cầu:

- Học sinh nắm được kiến thức phần nội dung bài học (Phần kiến thức đóng khung trong SGK)
- Xem lại phần luyện tập, vận dụng trong SGK.

II. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.
- Câu hỏi tự luận.
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Tìm và giải thích được một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, danh ngôn liên quan đến chủ đề.
- Liên hệ bản thân.

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: gồm 20 câu hỏi mỗi câu 0.25 điểm

II. Trắc nghiệm chọn câu trả lời đúng sai: gồm 2 câu mỗi câu 1.0 điểm

III. Tự luận: gồm 1 câu hỏi và bài tập tự luận 3.0 điểm

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nghiêm cấm thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sở hữu vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.
- B. Tổ cáo những người hành vi mua bán trái phép vũ khí, vật liệu nổ.
- C. Tổ giác những người có hành vi nghiên cứu, chế tạo trái phép vũ khí.
- D. Lợi dụng, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ để xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 2. Nội dung nào sau đây *không* phản ánh đúng nguy cơ dẫn đến tai nạn cháy, nổ?

- A. Nắng nóng gay gắt, kéo dài.
- B. Thiết bị điện bị quá tải.
- C. Hàn, khò các vật liệu dễ cháy.
- D. Bảo quản thực phẩm sai cách.

Câu 3. Hành vi của nhân vật nào dưới đây có thể gây ra tai nạn về cháy, nổ?

- A. Chị S để các hóa chất dễ cháy ở xa khu vực bếp.
- B. Anh T tổ cáo hành vi tàng trữ thuốc nổ của ông X.
- C. Anh V mua thuốc nổ về tự chế pháo để bán kiếm lời.
- D. Chị M gọi lực lượng cứu hỏa khi phát hiện đám cháy.

Câu 4. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong khái niệm sau: “..... là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội”.

- A. Lao động.
- B. Sáng tạo.
- C. Siêng năng.
- D. Kiên trì.

Câu 5. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong khái niệm sau: “..... là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động”.

- A. Kỉ luật lao động.
- B. Hợp đồng lao động.
- C. Nội quy lao động.
- D. Nội quy làm việc.

MÔN: NGỮ VĂN 8

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẠM VI ÔN TẬP:

1. Phần đọc – hiểu:

Bài 6: TRUYỆN

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,...) và phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.
- Nhận biết và hiểu tác dụng của từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội trong đời sống và tác phẩm văn học.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

BÀI 7: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

- Xác định được giá trị nội dung nghệ thuật của thơ trữ tình và thơ trào phúng trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) và một số thủ pháp nghệ thuật của thơ trào phúng.
- Hiểu được đặc điểm, tác dụng và biết sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Viết được bài phân tích một tác phẩm thơ.
- Nghe và tóm tắt được nội dung người khác thuyết trình về một tập thơ bài thơ.
- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên quê hương đất nước và tâm sự của các nhà thơ trước thời cuộc.

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ, TIỂU THUYẾT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đơn tuyến, đa tuyến, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...) nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.
- Nhận biết và đặt được câu khẳng định, câu phủ định.
- Viết được bài văn nghị luận trình bày về một tư tưởng, đạo lí.

2. Phần viết

Dạng 1: Viết bài văn nghị luận về tác phẩm văn học.

Dạng 2: Viết bài đoạn văn nghị luận xã hội.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

ĐỀ 1

Đọc văn bản sau:

Thương ơi là thương

“Bảo có thói quen đeo tai nghe trong nhiều hoạt động cá nhân như chạy xe, đi bộ, học bài,... thậm chí là cả lúc ngủ. Cậu làm vậy để thu mình lại trong thế giới riêng, mặc kệ những ồn ào từ nhịp sống thường nhật ngoài kia. [...]

Hôm nay, như thường lệ, Bảo đi bộ vài vòng ở công viên gần nhà khi nắng chiều dần tắt. Và cũng như mọi ngày, vật bất ly thân của cậu là chiếc tai nghe màu trắng đã có vài ba chỗ trầy xước. Đi giữa rừng, Bảo thấy âm thanh tai nghe hôm nay hơi lạ, bèn tháo ra kiểm tra. Cùng lúc ấy, cậu vô tình nghe thấy tiếng “meo... meo” gần đó. Thì ra là một chú mèo trắng đang nằm thu mình dưới chân ghế đá. Trông chú có vẻ sợ hãi và ánh mắt không thôi tìm kiếm điều gì đó. [...]

Ôm mèo con trong tay, Bảo quan sát kỹ phản ứng của bé để chắc chắn chú ta vẫn ổn. Ngoài ra, những tiếng “meo, meo” rồi cả tiếng thở khe khẽ của mèo đều được Bảo lắng nghe thật rõ trong không gian tương đối tĩnh lặng. Bảo bất ngờ nhận ra những âm thanh này thật đáng yêu biết mấy. Chúng có lẽ từng vô tình bị ngăn cách bởi chiếc tai nghe của Bảo thời gian trước, nên khi “tạm” không có “cánh cửa” ấy như hôm nay, chúng chẳng e dè gì mà tiến vào đôi tai Bảo,

đồng thời “ngang nhiên” xông thẳng vào trái tim đang cõi mở của cậu, theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. [...]

Khi đang ngồi vuốt ve chú mèo, Bảo nghe thấy một giọng nữ vang lên. Qua những gì nghe được, Bảo chắc chắn cô gái kia là chủ của chú mèo này. Rất nhanh, Bảo lên tiếng đáp lại, đồng thời đứng lên huơ huơ tay để người kia nhìn thấy:

- Bạn gì ơi, chú mèo của bạn ở bên này nè.

Cô gái gần như tuyệt vọng và sắp bật khóc đến nơi bỗng nhiên tìm thấy “phao cứu sinh”, liền chạy thật nhanh về phía phát ra tiếng nói.

- Cảm ơn cậu nhiều nhé!

Cô gái bây giờ mới lên tiếng, sau một hồi ôm ấp và vỗ về chú mèo cưng trong tay. Cô gái ấy tên Miên, trạc tuổi Bảo. [...]

Bảo nhìn cả Miên lẫn chú mèo trắng, đáy mắt ánh lên niềm vui khi bản thân đã làm một việc có ích, hơn cả niềm vui còn là sự nhẹ nhõm vì chú mèo không sao và chủ của bé có thể tìm lại người bạn bốn chân đáng yêu này. Trên đoạn đường về nhà, bầu không khí giữa cả hai thoải mái và gần gũi hơn ban nãy ở công viên một chút, lại có thêm Bông Gòn “kết nối” nên Bảo và Miên nói cười không ngớt.

Không ai biết rằng bên trong Bảo đã diễn ra một cuộc chuyển biến thú vị. Cậu bắt đầu thu nhận thanh âm muôn màu của cuộc sống, dù là âm thanh dễ chịu hay những tiếng ồn ào, mà không cố “cửa đóng then cài” để tách biệt khỏi hiện tại. Bảo cũng “thủ sẵn” cho mình một số lời hỏi thăm, quan tâm như thể dành cho cô bán phở đầu hẻm, một người xa lạ trên đường hay bất kỳ ai khác. Từ chỗ cảm nhận âm thanh, Bảo chuyển hóa tình yêu cuộc sống thành lời nói có ý nghĩa. Đôi ba câu vu vơ ấy vậy mà có hiệu nghiệm cực kỳ. Lòng cậu rộn ràng hơn hẳn khi hòa mình vào dòng chảy cuộc sống.

Sự kiện Miên và Bông Gòn, Bảo tạm gọi như thế, đã khiến cậu nhận ra một điều: Nếu thu mình lại, cậu sẽ chẳng có cơ hội cảm nhận cũng như đóng góp chút gì đó cho cuộc đời xinh đẹp này.

Sẽ ra sao nếu Bảo cứ cảm tai nghe và mất tập trung khỏi hiện thực hôm đó? Chắc chắn là Bông Gòn sẽ không được phát hiện và Miên có khả năng không thể tìm thấy hoặc mất rất lâu để tìm thấy “người bạn nhỏ” cũng nên.

Bởi vậy, Bảo nghĩ kỹ rồi, cậu sẽ để tâm nhiều hơn đến hiện tại để thấy rằng mình đang sống. Chẳng việc gì phải “trôi dạt” đến một chiều không gian khác, khi vạn sự trên đời đều thương ơ là thương”

(Trích “Truyện ngắn Mục Tím”: *Thương ơ là thương*, 2022, Tuổi trẻ.)

Câu 1. Xác định những đặc trưng của văn bản truyện ngắn được thể hiện trong văn bản trên.

Câu 2. Xác định ngôi kể và nêu tác dụng của ngôi kể trong việc kể chuyện.

Câu 3. Nêu tác dụng của các từ tượng hình, tượng thanh có trong đoạn văn in đậm.

Câu 4. Em có cảm nhận gì về nhân vật Bảo? Trình bày dưới dạng đoạn văn khoảng 7 câu.

Câu 5. Câu chuyện trên muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì? Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện?

Câu 6. Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về một trong những thông điệp mà em rút ra từ truyện ngắn trên.

ĐỀ 2

Thầy giáo dạy vẽ của tôi

Tôi muốn kể với các em về thầy giáo dạy vẽ của tôi. Thầy dạy chúng tôi cách đây mười bảy năm, khi đó chúng tôi mới học lớp Năm mà thầy thì mái tóc đã bạc phơ...

[...] Thầy ăn mặc theo kiểu xưa: bộ com-lê đen đã cũ lắm, nhưng chiếc ca-vát vẫn luôn thắt chỉnh tề trên cổ. Thầy thường đội mũ nồi, bộ râu mép rậm lấm tấm bạc, đôi giày cũ và chiếc cặp da nâu cũng đã sờn rách.

Thầy luôn đảm chiêu nhưng hiền hậu. Chẳng bao giờ thầy cáu giận, gắt gỏng với chúng tôi. Cũng chẳng bao giờ thầy bỏ một tiết lên lớp nào, kể cả những hôm thầy yếu mệt, sốt cao, giọng run run.

Các cô giáo, thầy giáo trong trường kể rằng thầy là một trong số những họa sĩ học khoá đầu tiên của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Bạn học của thầy, hầu hết đều đã trở thành những họa sĩ

tên tuổi, có người nổi tiếng cả ở nước ngoài, riêng thầy Bản chỉ là một giáo viên dạy vẽ bình thường ở một trường cấp hai.

Thầy dạy chúng tôi kẻ chữ, vẽ cái sọt giấy, lọ mực, viên gạch, thỉnh thoảng mới có một bài “vẽ tự do”: cảnh chùa hoặc cảnh lao động ở vườn trường. Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ. Nhưng thú vị hơn cả là những câu chuyện của thầy. Thầy thường nói say sưa với chúng tôi về hội họa, về màu sắc và đường nét, về cái thế giới thứ hai, thế giới rực rỡ, kì lạ của những bức tranh, những cánh cửa mở tới những khu vườn tốt lành và đẹp đẽ. Có những lần, thầy đưa chúng tôi về nhà thầy chơi, về gian gác xếp đầy sách vở và tranh ảnh. Thầy đưa chúng tôi xem những quyển sách của các bậc danh họa. Thầy cũng cho chúng tôi xem những bức tranh thầy vẽ những bức tranh nhỏ, vẽ rất tỉ mỉ những bình hoa nhiều màu, những ngôi nhà, những em bé hàng xóm... Thầy vẽ chậm, vẽ kĩ, không hiểu có đẹp không, nhưng tranh của thầy ít được mọi người chú ý. Chúng tôi có đi hỏi nhưng chẳng mấy ai biết tên họa sĩ Nguyễn Thừa Bản.

[...] Có lần, thầy đến lớp, vẻ nghiêm trang, xúc động, thầy nói với chúng tôi:

- Ở triển lãm mỹ thuật thành phố, người ta có bày một bức tranh của tôi... – Thầy mỉm cười rụt rè khẽ nói thêm – Các em đến xem thử...

Chiều hôm ấy, mấy đứa chúng tôi – trong đó có Châu và Hiền – rủ nhau đến phòng triển lãm. Trong gian phòng chan hòa ánh sáng, bức tranh của thầy Bản treo ở một góc. So với những bức tranh to lớn sang trọng khác, bức tranh của thầy thật bé nhỏ, trong một chiếc khung cũ. Bức tranh vẽ rất cẩn thận một lọ hoa cũ, mấy quả cam, những cánh hoa vàng rơi trên mặt bàn... Mọi người đi lướt qua, chẳng ai để ý tới bức tranh của thầy. Chúng tôi ngồi xuống cạnh bàn ghi cảm tưởng của người xem: Chẳng thấy ý kiến nào khen ngợi hoặc nhắc đến bức tĩnh vật của thầy giáo chúng tôi. Lúc ấy, chúng tôi thấy thầy Bản cũng đến, thầy đi lại trong phòng triển lãm, nhìn người xem rồi lại nhìn về cái tranh của mình, bồn chồn, hồi hộp. Rồi sau cảm thấy đứng mãi ở đấy không tiện, thầy lại lóc cóc ra lấy xe đạp, đạp đi.

Càng thương thầy, chúng tôi càng giận những người xem vô cùng. Nảy ra một ý, chúng tôi bàn khẽ với nhau, rồi mở quyển sổ ghi cảm tưởng, chúng tôi thay nhau viết:

“Trong phòng triển lãm này, chúng tôi rất thích bức tranh của họa sĩ Nguyễn Thừa Bản!”.

“Bức tranh tĩnh vật của họa sĩ Nguyễn Thừa Bản rất đẹp. Họa sĩ là một người có tài năng và cần cù lao động. Kính chúc họa sĩ mạnh khỏe, v.v...”.

Rồi chúng tôi ký những cái tên giả dưới các ý kiến đó. Ngoài mấy đứa chúng tôi, không ai biết việc này.

Vài hôm sau, thầy Bản đến lớp. Bối rối vì cảm động, thầy báo tin:

- Các em ạ ... bức tranh ở triển lãm của tôi ... cũng được một số người thích ... Họ có ghi cảm tưởng ... Ban tổ chức có đưa cho tôi đọc... tôi có ghi lại...

Thầy húng hắng ho, rồi nói thêm, vẻ ân hận:

- Bức tranh ấy tôi vẽ chưa được vừa ý... Nếu vẽ lại, tôi sẽ sửa chữa nhiều...

Thương thầy quá, chúng tôi suýt òa lên khóc. Bây giờ, nhiều năm đã trôi qua, chúng tôi đã lớn lên [...] chúng tôi chẳng hề quên thầy Bản. Không chỉ làm cho chúng tôi yêu hội họa, thầy còn là một tấm gương về sự cần cù, lòng trong sạch, tình yêu thương trân trọng với công việc bình thường của mình.

Thầy không phải là một nghệ sĩ nổi tiếng như các bạn của thầy, nhưng đối với chúng tôi, hình ảnh hiền hậu khiêm nhường của thầy đáng quý trọng biết bao.

Có lẽ đến phút cuối của cuộc đời, thầy cũng không biết rằng: Chính chúng tôi – những học trò nhỏ của thầy – đã viết vào quyển sổ cảm tưởng trong kỳ triển lãm ấy. Bây giờ, thầy Bản không còn nữa!

Tối ấy, ngồi với nhau, chúng tôi nhắc nhiều và nhớ nhiều đến thầy...

Thưa thầy giáo dạy vẽ kính yêu!

Viết những dòng này, chúng em muốn xin thầy tha lỗi cho chúng em và muốn lần nữa được thưa với thầy rằng: Chúng em biết ơn thầy, mãi mãi biết ơn thầy...

(Xuân Quỳnh, Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi)

Câu 1. Chỉ ra và nêu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của từ tượng thanh trong đoạn in đậm nghiêng.

Câu 3. Theo em, văn bản trên được xây dựng theo cốt truyện đơn tuyến hay đa tuyến? Nêu tác dụng của việc xây dựng cốt truyện như vậy.

Câu 4. Câu chuyện trên muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì? Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện?

Câu 5. Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về một truyền thống tốt đẹp rút ra từ văn bản.

ĐỀ 3

TỨC CẢNH PÁC BÓ – Hồ Chí Minh -

Sáng ra bờ suối, tối vào hang.

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng.

Cuộc đời cách mạng thật là sang!

Tháng 2 năm 1941

(Thơ Hồ Chủ tịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1967)

Chú thích: Tháng 2-1941, sau ba mươi năm bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Người sống và làm việc trong hoàn cảnh hết sức gian khổ: ở trong hang Pác Bó, một hang núi nỏ sát biên giới Việt-Trung thuộc huyện Quảng Hà- tỉnh Cao Bằng; thường phải ăn cháo ngô, măng rừng thay cơm, bàn làm việc là một phiến đá bên bờ suối cạnh hang (được người đặt tên là suối Lê-nin)

- Bẹ: Ngô

- Sử Đảng: Đây là Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô, được bác dịch vắn tắt để làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng khi đó.

Câu 1: Chỉ ra đặc điểm thể thơ của bài “Tức cảnh Pác Bó”

Câu 2: Tìm từ tượng hình trong bài và nêu tác dụng?

Câu 3: Viết bài văn khoảng 400 chữ phân tích bài thơ.

ĐỀ 4

NGẮM TRĂNG (VỌNG NGUYỆT) – Hồ Chí Minh -

Phiên âm

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,

Đôi thử lương tiêu nại nhược hà?

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch thơ

Trong tù không rượu cũng không hoa,

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Hồ Chí Minh, Nhật kí trong tù, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000)

Chú thích: Tháng 8-1942, Hồ Chí Minh từ Pác Bó (Cao Bằng) bí mật lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Khi đến thị trấn Túc Vinh thì người bị chính quyền địa phương bắt giữ, rồi bị giải tới giải lui gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, bị đày đọa cực khổ hơn một năm trời. Trong những ngày đó, người đã viết Nhật kí trong tù bằng thơ chữ Hán, gồm 133 bài, phần lớn là thơ tứ tuyệt. Ngoài bìa tập thơ, Người viết mấy câu đề từ:

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao.

Tuy Bác Hồ viết Nhật kí trong tù chỉ đề “Ngâm ngợi cho khuây” trong khi đợi tự do, tập thơ vẫn cho thấy rõ tâm hồn cao đẹp, ý chí cách mạng phi thường và tài năng thơ xuất sắc của người. Có thể nói Nhật kí trong tù là viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân tộc.

Câu 1: Chỉ ra đặc điểm thể thơ của bài thơ “ Ngắm trăng”

Câu 2: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ.

Câu 3: Viết bài văn khoảng 400 chữ phân tích bài thơ.

ĐỀ 5 Đọc kĩ đoạn trích dưới đây, sau đó trả lời các câu hỏi:

NGÔ QUYÊN ĐẠI PHÁ QUÂN NAM HÁN

Ngô Quyền là một trong những vị vua lừng danh bậc nhất của lịch sử nước nhà.

Ông quê ở Đường Lâm (Ba Vì, Hà Nội ngày nay), là người mưu lược, sức khoẻ vô song. Sau, làm nha tướng cho Dương Đình Nghệ, được Dương Đình Nghệ gả con gái cho, lại cho quyền cai quản Ái Châu (Thanh Hoá ngày nay).

Tháng Ba năm Đinh Dậu (937), Dương Đình Nghệ bị con nuôi là Kiều Công Tiễn giết chết.

Tháng Chạp năm ấy, Ngô Quyền kéo quân từ Ái Châu ra hỏi tội Kiều Công Tiễn. Kiều Công Tiễn sợ, sai sứ sang cầu cứu quân Nam Hán (Trung Quốc). Vua Nam Hán muốn nhân nước ta có loạn mà đem quân đánh chiếm, bèn sai con út là Hoǎng Thao đem thật nhiều chiến thuyền, theo sông Bạch Đằng tiến vào nước ta.

Nghe tin Hoǎng Thao sắp đến, Ngô Quyền nói với các tướng:

- Hoǎng Thao bắt quả chỉ là một đứa trẻ dại khờ, phải đem quân từ xa tới, đã mỏi mệt lại nghe tin Kiều Công Tiễn bị giết chết, hấn mất kẻ nội ứng thì hồn vía sẽ chẳng còn. Ta lấy sức đang khoẻ để địch với quân mỏi mệt thì tất sẽ phá được. Nhưng bọn chúng hơn ta ở chỗ nhiều chiến thuyền. Nay, nếu ta sai người đem cọc lớn vạt nhọn, đầu thì bịt sắt, ngầm đóng xuống trước ở cửa biển, dụ cho thuyền của chúng theo nước triều lên mà vào phía trong của hàng cọc thì ta hoàn toàn có thể chế ngự chúng, quyết không cho chiến thuyền nào tẩu thoát.

Định đoạt mưu kế xong, Ngô Quyền bèn sai đem cọc đóng xuống hai bên bờ cửa sông. Khi nước triều lên, Ngô Quyền sai quân đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả thua để dụ địch đuổi theo. Qua nhiên Hoǎng Thao trúng kế. Khi chiến thuyền của chúng lọt vào vùng cắm cọc, đợi đến khi nước triều rút, cọc nhô dần lên, Ngô Quyền bèn tung quân, liều chết mà đánh. Quân Hoǎng Thao bị rối loạn, nước triều lại xuống gấp, thuyền vướng cọc mà lật úp, quân sĩ chết đến quá nửa. Ngô Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt và giết được Hoǎng Thao. Vua Nam Hán được tin, thương khóc mãi rồi thu nhặt tàn quân của Hoǎng Thao còn sót lại và rút về.

Chỉ bằng những đội quân mới nhóm họp của nước Việt, Ngô Quyền đã đánh tan cả trăm vạn quân của Hoǎng Thao, dựng nước và xưng vương, khiến giặc phương Bắc phải khiếp sợ, không dám bén mảng đến nước ta.

Theo Nguyễn Khắc Thuần (Việt sử giai thoại)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào? Đây là bối cảnh của câu chuyện?

Câu 2. Vì sao Ngô Quyền kéo quân hỏi tội Kiều Công Tiễn? Ngô Quyền đã nghĩ ra mưu kế gì để tiêu diệt đại quân Nam Hán?

Câu 3. Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền chủ động và độc đáo ở điểm nào?

Câu 4. Xét theo mục đích nói, các câu in đậm trên thuộc kiểu câu nào?

Câu 5. Qua câu chuyện trên, em thấy Ngô Quyền là người như thế nào?

Câu 6. Em rút ra bài học gì cho bản thân từ câu chuyện trên?

Môn: Nghệ thuật 8

I. Nội dung Âm nhạc.

1. Ôn tập bài hát:

- Bài hát Cánh én tuổi thơ
- Bài hát Mùa hạ và những chùm hoa nắng

(Yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát.)

2. Ôn tập bài đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 7.
- Bài đọc nhạc số 8.

(Yêu cầu: Đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca, biết gõ đệm theo âm hình tiết tấu.)

3. Ôn tập nhạc cụ: Các mẫu tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.

(Yêu cầu thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết ứng dụng cho bài hát, biết vận dụng bộ gõ cơ thể vào bài hát và đọc nhạc.)

II. Nội dung Mỹ thuật.

- Họa tiết chấm màu
- Tranh tĩnh vật

(Yêu cầu biết phân tích được sự hài hoà về hình khối và không gian trong sản phẩm mỹ thuật và tạo được họa tiết trang trí chấm màu. thực hành giấy khổ A4)

Môn: Giáo dục thể chất 8

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li trung bình

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách thực hiện phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình và hoàn thành cự li: (Nam: 500 - 800m; Nữ: 400 - 600m)

SEMESTER 2 - GRADE 8

A. TOPIC: Unit 7, 8, 9, 10, 11, 12

B. VOCABULARY:

- Environmental protection
- Natural disasters
- Science and technology
- Shopping
- Communication in the future
- Life on other planets

C. GRAMMAR:

1. Complex sentences with adverb clauses of time. (Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian)

a. **Định nghĩa:** Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian là những mệnh đề bắt đầu bởi các liên từ chỉ thời gian như: **while** (trong khi, trong lúc), **when** (vào lúc, khi), **one**, **as soon as** (ngay khi mà), **till**, **until** (cho đến khi), **by the time**, **before** (trước khi), **after** (sau khi), **since** (kể từ khi), ...

b. Example:

When Mark was 13 years old, he went to Korea.

I will phone you as soon as I finish my work.

My father was talking on the phone while my mother was helping my sister with her homework.

2. Adverbs of frequency. (Trạng từ chỉ tần suất)

A. Định nghĩa: Trạng từ chỉ tần suất là trạng từ dùng để diễn tả một sự việc hay hành động nào đó xảy ra ở mức độ thường xuyên như thế nào.

- Một số trang từ chỉ tần suất phổ biến trong tiếng Anh:

always	<i>luôn luôn</i>	usually	<i>thường, hay</i>
often	<i>thường</i>	frequently	<i>thường xuyên</i>
sometimes	<i>thỉnh thoảng</i>	occasionally	<i>thỉnh thoảng</i>
seldom, rarely	<i>hiếm khi</i>	never	<i>không bao giờ</i>

Eg: +) I always have breakfast at 6 o'clock.

+) *We sometimes go to the cinema.*

3. Present simple for future events. (Thì hiện tại đơn diễn tả tương lai)

Diễn tả một suy nghĩ, cảm giác hay cảm xúc.	<i>Ex: I think you are good at English.</i>
Dùng trong các mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian.	<i>I will call you as soon as I finish my homework.</i>

4. Past continuous. (Thì quá khứ tiếp diễn)

A. Cấu trúc của thi quá khứ tiếp diễn

Cấu trúc		Ví dụ
Thể khẳng định (+)	S + was/were + V-ing	<i>Hoa was listening to music at 3:00 p.m yesterday.</i>
Thể phủ định (-)	S + was/were + not + V-ing	<i>She wasn't watching T.V at that time.</i>
Thể nghi vấn (?)	(Wh-question) + Was/Were + S + V-ing? Yes, S + was/ were No, S + wasn't/ weren't	<i>Were they having dinner at home at that time?</i>

C. Dấu hiệu nhận biết thì quá khứ tiếp diễn

Trong câu dùng thì quá khứ tiếp diễn thường có các từ và cụm từ sau:

- + at + giờ + *thời gian trong quá khứ* (at 10:00 p.m last night)
- + at this time + *thời gian trong quá khứ* (at this time yesterday)
- + at that time (vào thời điểm đó)
- + while (trong khi) + when (khi)

Eg: I was playing chess with Tom at this time yesterday.

5. Prepositions (Giới từ)

- **Định nghĩa:** Giới từ là một từ hoặc cụm từ được sử dụng trước danh từ/ đại từ để chỉ nơi chốn, vị trí, thời gian/ cách thức.
- Giới từ đứng sau TO BE, trước DANH TỪ, sau ĐỘNG TỪ hoặc sau TÍNH TỪ.

6. Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)

Định nghĩa: Đại từ sở hữu là những từ được sử dụng để diễn tả sự sở hữu và luôn đứng một mình mà không cần danh từ theo sau.

Bảng tương ứng giữa đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu và đại từ sở hữu

Personal pronouns (Đại từ nhân xưng)		Possessive adjectives (Tính từ sở hữu)	Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)
Subject (Chủ ngữ)	Object (Tân ngữ)		
I	Me	My	Mine
We	Us	Our	Ours
You	You	Your	Yours
He	Him	His	His
She	Her	Her	Hers
It	It	Its	
They	Them	Their	Theirs

Uses	
Possessive adjectives (Tính từ sở hữu)	Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)
Luôn đi kèm theo sau là danh từ/ cụm danh từ.	Đứng một mình
Làm chủ ngữ/ tân ngữ	Làm chủ ngữ/ tân ngữ
Khi chia động từ không chia theo tính từ sở hữu, chia theo danh từ phía sau.	Dùng để thay thế cho các danh từ đã được nhắc đến.
<i>Eg: This is my house</i>	<i>Eg: This is my house. That is yours.</i>

7. Reported speech (Câu tường thuật dạng câu kể)

Định nghĩa: Câu tường thuật (Reported speech) là câu thuật lại một câu nói trước đó. Câu nói trước đó được gọi là câu trực tiếp (direct speech), câu thuật lại được gọi là câu gián tiếp (indirect speech).

Direct speech: "I want to become a scientist," Nam said.

Indirect speech: Nam said that he wanted to become a scientist.

a. Cấu trúc:

S+say(s)/said hoặc tell/told + (that)+S+V

She said that she couldn't attend the meeting.

They told me that they would move to the city.

b. Cách đổi từ câu trực tiếp sang câu tường thuật dạng câu kể

- Bước 1: Chọn động từ tường thuật, ví dụ như said hoặc told.
- Bước 2: Thay đổi thì của động từ trong câu tường thuật.
- Bước 3: Thay đổi các đại từ và tính từ sở hữu.
- Bước 4: Thay đổi các trạng từ chỉ nơi chốn và thời gian.

Câu trực tiếp	Câu tường thuật	Ví dụ
Hiện tại đơn S+ Vs/es S+ am/is/are	Quá khứ đơn S+ V2/Ved S+ was/were	He said, "I see the news on a website." → <i>He said (that) he saw the news on a website.</i>
Hiện tại tiếp diễn S+ am/is/are +V-ing	Quá khứ tiếp diễn S+ was/were + V-ing	She said, "I'm reading a science book."

S1	asked wanted to know wondered	wh	S2 (đổi ngôi)	V (lùi thời)	O (đổi ngôi)	C (đổi trạng ngữ)
<i>E.g. She asked: "When will you go camping?" → She asked me when I would go camping.</i>						
Note						
- Các quy tắc đổi ngôi, đổi trạng ngữ áp dụng tương tự giống câu kể. - Bắt buộc phải dùng If/whether để nối câu nghi vấn và từ để hỏi W-H để nối câu hỏi thông tin.						

D. PRONUNCIATION

- Sounds: /b/ - /k/
- Stress in words ending in '-al' and '-ous'
- Sentence stress
- Sounds: /sp/ - /st/
- Stress in words ending in 'ese' and 'ee'
- Intonation for making lists

E. SPEAKING

- Introduce and answer the teacher's questions.
- Present the topic and answer the teacher's questions

Topic.

1. Environmental protection

- What are the main causes of air pollution?
- How can we reduce our carbon footprint?
- In what ways do you protect the environment?

2. Shopping

- Do you like shopping? For what kinds of things?
- Do you prefer to shop in a shopping mall or shop online? What are the advantages and disadvantages of each?
- Are you excited about sales and discounts? When are the best sales in your country?

3. Natural disasters

- What are natural disasters?
- Are there often natural disasters in your country?
- What would you prepare if there were natural disaster?

4. Communication in the future

- Which is your favorite way to communicate? Why?
- How have smartphones changed communication?
- How do you think will people communicate in the future?

5. Science and technology

- What is the greatest technological invention? Why?
- Have you used the Internet to learn English or read or talk in English?
- Do you think robots will replace humans in the future?

6. Life on other planets

- Do you think there's life on other planets?
- Would you like to visit another planet?
- Do you think we should look for life on other planets?

E. PRACTICE

Exercise 1: Find the word that has a different sound in the part underlined.

- | | | | |
|--------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------|
| 1. A. <u>t</u> ight | B. <u>t</u> ypical | C. <u>r</u> evive | D. <u>d</u> escribe |
| 2. A. <u>s</u> and | B. <u>p</u> addy | C. <u>t</u> ribal | D. <u>t</u> ravel |
| 3. A. <u>c</u> alls | B. <u>g</u> roups | C. <u>h</u> obbies | D. <u>o</u> rganizations |
| 4. A. <u>s</u> ight | B. <u>s</u> eat | C. <u>s</u> ugar | D. <u>s</u> easide |
| 5. A. <u>a</u> che | B. <u>ch</u> aos | C. <u>ch</u> arity | D. <u>arch</u> aeology |
| 6. A. <u>r</u> anked | B. <u>g</u> ained | C. <u>p</u> repared | D. <u>p</u> roved |
| 7. A. <u>c</u> ustomer | B. <u>o</u> tstanding | C. <u>s</u> pecial | D. <u>m</u> usic |
| 8. A. <u>d</u> rought | B. <u>b</u> rought | C. <u>s</u> ource | D. <u>th</u> ought |
| 9. A. <u>w</u> eather | B. <u>e</u> arth | C. <u>b</u> ooth | D. <u>w</u> ith |
| 10. A. <u>c</u> reatures | B. <u>p</u> pils | C. <u>p</u> lanets | D. <u>h</u> umans |

Exercise 2: Find the word that has a different position of stress from the others.

- | | | | |
|---------------------|------------------|-----------------|-----------------|
| 1. A. alien | B. guarantee | C. chemical | D. interview |
| 2. A. connective | B. society | C. eruption | D. Japanese |
| 3. A. television | B. environment | C. economy | D. evacuate |
| 4. A. company | B. bachelor | C. battery | D. biology |
| 5. A. clarification | B. exploration | C. differential | D. radiography |
| 6. A. Chinese | B. trainee | C. agree | D. coffee |
| 7. A. earplug | B. erupt | C. severe | D. unique |
| 8. A. arrival | B. practical | C. natural | D. chemical |
| 9. A. especially | B. entertainment | C. technology | D. announcement |
| 10. A. accent | B. rubbish | C. substance | D. collapse |

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C or D).

- Recent _____ developments have made robots more user-friendly, and intelligent.
A. science B. scientist C. scientific D. scientifically
- Science and technology have _____ the life safe, secure and comfortable.
A. transformed B. made C. done D. changed
- She became a famous actress _____ the age of 18.
A. in B. on C. at D. to
- People often put a pad _____ the cup of coffee to keep clean.
A. between B. next to C. under D. opposite
- They live _____ a small house _____ the hill.
A. in - on B. behind - in C. in - above D. on - under
- We will stay _____ a hotel that is _____ the sea.
A. at - opposite B. at - in front C. on - between D. within - opposite
- In the mid-19th century, scientists discovered that Mars had some similarities _____ Earth.
A. to B. with C. of D. from
- _____ message is convenient because you don't have to type text.
A. Text B. Voice C. Image D. thought
- Light bulb is one of the most important _____ of the past hundred years.
A. inventions B. transmissions C. explorations D. developments
- They use face recognition to _____ people.
A. identify B. attack C. make D. invent

11. We are discussing on _____ in the solar system.
A. soldiers B. aliens C. robots D. planets
12. In the future we will use more _____ ways to communicate with each other.
A. advancing B. advance C. advanced D. advances
13. Many people add _____ to their text messages to express their feelings.
A. emojis B. pictures C. videos D. sound
14. When you look at the computer screen for too long, your _____ may get tired.
A. face B. hair C. hands D. eyes
15. Blaise Pascal _____ the calculator in 1642.
A. discovered B. invented C. recognized D. created
16. I still remember the violent _____ last year. It rained heavily with strong winds.
A. tornado B. flood C. tsunami D. storm
17. Scientists have been trying to find _____ of aliens.
A. amounts B. records C. traces D. sights
18. I _____ some rice on the floor of the chicken coop.
A. raised B. grew C. threw away D. scattered
19. People will take _____ of robots to do household chores.
A. chance B. condition C. success D. advantage
20. It is certain that robots will _____ the quality of our lives.
A. improve B. rise C. lift D. develop
21. Many people think the cyber world will _____ the real world.
A. take B. provide C. take place D. replace
22. The invention of penicillin is very useful because it has _____ lots of lives.
A. lost B. brought C. saved D. solved
23. There is a lot of interest in doing experiments in the _____ conditions.
A. weigh B. weighing C. weight D. weightless
24. Scientists believe that Mars also _____ seasons just as the Earth does.
A. spends B. experiences C. experiments D. takes
25. He works as a software _____, writing programs for IBM.
A. explorer B. engineer C. developer D. artist
26. Mike: "What did Mi say about having a robot to do housework?" - Lia: "_____"
A. She says it was helpful. B. She said it was helpful.
C. She said it will do all the boring chores. D. She says it would do all the boring chores.
27. Sara: "So, these are the themes we will concentrate on for this program."
Linda: "_____ but can you provide me with more information about the program?"
A. Great news for you B. I can't believe it
C. Sorry for interrupting D. I'm sorry to have to say this,
28. What do you mean by 'single-use'? - _____
A. Be used once only and then thrown away. B. I will recycle single-use things.
C. I rarely use this word. D. It's just an adjective.
29. Peter: "Have they found a cure against this virus?"
Anthony: "_____ But people say so."
A. Oh, my god! B. I don't know for sure.
C. I think we should meet at 9 o'clock. D. May I interrupt for a second?
30. Which TV program _____ at 9 pm yesterday?
A. will you be watching B. did you watch
C. were you watching D. had you watched
31. If you _____ something, you should patent it as quickly as possible.
A. invent B. will invent C. were invented D. invented

32. When I arrived home last night, she _____ in the library.
A. was working B. will be working C. worked D. had worked
33. When we _____ the lost man and his dog in the forest, a storm _____.
A. found/ struck B. found/ was striking
C. are finding/ struck D. were finding/ was striking
34. My teacher _____ me that I had better devote more time to science subjects such as physics, chemistry, and biology.
A. talked B. told C. spoke D. said
35. In 1876, the telephone _____ first introduced by Bell and Watson.
A. was B. is C. has been D. had been
36. It's important _____ wildlife in the area.
A. to conserve B. conserving C. conservation D. conserve
37. We were delighted _____ your letter yesterday.
A. to get B. got C. getting D. get
38. Robots save workers from _____ dangerous tasks.
A. making B. having C. performing D. carrying
39. Let's play tennis instead of _____ television.
A. watch B. watching C. watches D. to watch
40. Everything depends on what you mean _____ the word "free".
A. about B. for C. of D. by
41. An astronaut has to wear a spacesuit _____ it may be very cold in space.
A. so B. but C. because D. because of
42. Teenagers spend most of their time playing computer games; _____, they lose their interests in daily activities.
A. moreover B. so C. however D. therefore
43. Neptune is bright blue _____ it is named after the Roman God of the sea.
A. because B. but C. so D. or
44. She said, "I took it home with me." She said that she _____ it home with her.
A. take B. took C. have taken D. had taken
45. Mai said, "My brother works in a company about technology."
=> Mai said her brother _____ in a company about technology.
A. works B. worked C. is working D. have worked
46. Mr. Long said, "Science is an important subject in schools now."
=> Mr. Long said that Science was an important subject in schools _____.
A. now B. then C. this D. that
47. He said, "Siri is a voice recognition technology."
=> He said that Siri _____ a voice recognition technology.
A. was B. was being C. have been D. will be
48. The director said, "The company will use a machine to check staff's attendance."
The director said that the company _____ a machine to check staff's attendance.
A. use B. will use C. would use D. would have used
49. He _____ me, "What do you think aliens look like?"
A. told B. asked C. said D. wondered
50. Charlotte asked Caroline what her favorite films about aliens _____.
A. are B. have been C. were D. will be
51. She asked how much _____ about our Solar System.
A. do you know B. you know C. you knew D. you will know
52. Hannah asked Alison _____ earth-like planets the Milky Way might have.
A. whether B. if C. how many D. what
53. William asked Gwen whether Will Allen be able to come _____

- A. that day B. the day after C. the following day D. tomorrow
54. Santiago asked Gabriel, "What _____ the most distant black hole ever seen?"
 A. is B. has been C. had been D. would be
55. She wanted to know where _____ on Mars.
 A. did Perseverance land B. Perseverance landed
 C. Perseverance lands D. Perseverance land
56. Daniel asked Nolan if he would help him learn about constellations _____.
 A. tomorrow night B. the night after tomorrow
 C. next night D. that night
57. He asked, "How many planets _____ in the Solar System?"
 A. is there B. there is C. are there D. there are

Exercise 4: Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

SMART SHOPPING TIPS

Shopping is fun, but spending wisely is even more important. Here are some tips to help you shop smarter.

1. Always compare prices (1) _____ buying to get the best deal.
2. Make (2) _____ shopping list before you go to the store. This will help you avoid buying unnecessary items.
3. (3) _____ reviews carefully before purchasing a product. Customer feedback can help you choose quality items and avoid wasting money.
4. If an item is expensive, consider waiting for a (4) _____ or checking if there are any discount codes available.

- | | | | |
|----------------------|-----------|-------------|---------|
| 1. A. over | B. before | C. into | D. on |
| 2. A. x (no article) | B. an | C. a | D. the |
| 3. A. Read | B. Listen | C. Watch | D. Look |
| 4. A. receipt | B. refund | C. customer | D. sale |

FUTURE COMMUNICATION

Technology is changing the way we communicate, and in the future, people will have even more exciting ways to stay connected.

1. In the future, people may use smart glasses to make video calls (5) _____ just using their voice commands.
2. Scientists are developing (6) _____ device that can translate languages in real-time, making global communication much easier.
3. (7) _____ messages instantly with a thought might become possible thanks to brain-computer technology.
4. With virtual reality, people could feel as if they were in the same room, even if they were (8) _____ apart.

- | | | | |
|---------------|-------------|-------------|-------------------|
| 5. A. on | B. by | C. before | D. over |
| 6. A. a | B. an | C. the | D. x (no article) |
| 7. A. Sending | B. Speaking | C. Watching | D. Listening |
| 8. A. miles | B. hands | C. screens | D. voices |

Exercise 5: Read the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

Nobody can deny that technological development has done a lot to make our lives much better. However, there are some questions that worry us: will technology replace us in personal communication?

What if humans no longer feel the need to communicate in person?

Nowadays, with just one click, we can communicate with anyone, from anywhere through emails, video calls, messages, and other social media. It's quick and convenient. No trouble for dressing up or travelling for a personal meeting. We might become addicted to having conversations online instead of in person.

What if emojis become the only way we express our emotions?

There are various emojis that we can now use with an email or message to express our different emotions: a smiley or crying face, a winked eye, or an o-shaped mouth. The emojis are still increasing in number. We might no longer need facial expressions because the emojis do it for us, and the person in the chat box gets it from us. The future is perhaps for our generation to decide.

- We are worried that technology will _____ humans in personal communication.
A. harm B. replace C. change D. laugh at
- Communicating with people has become _____.
A. expensive B. emotional C. troublesome D. easy
- The number of emojis is _____.
A. big B. limited C. small D. unknown
- In future 'conversations', it's _____ that we no longer need facial expressions.
A. amusing B. certain C. possible D. for sure
- This passage is concerned _____ in personal communication.
A. how we will use emojis B. technology will participate
C. if dressing up is necessary D. if technology will replace humans

Exercise 6: Read the following passage and choose the word or phrase that best fits the gap.

Over the last centuries, our world has been lucky enough to see many important inventions, which have brought many positive changes to human life. One of those (1) _____ is "Telephone", which was invented by Alexander Graham Bell (2) _____ 1876. It is a device that converts sound and electrical (3) _____ into audible relays and is used for communication by (4) _____ a microphone and speakers. The positive influence of (5) _____ can be seen in the ease of communication and carrying on with our daily activities 24 hours a day and 365 days a year without any (6) _____. It has led to the (7) _____ of city centres, office buildings and the concept of an urban worker society.

- A. movements B. inventions C. interactions D. improvements
- A. in B. on C. at D. by
- A. waves B. days C. stars D. gases
- A. used B. use C. usage D. using
- A. speakers B. telephone C. microphone D. society
- A. interrupt B. interrupting C. interrupted D. interruption
- A. shrinkage B. influence C. reduction D. development

Read the following passage and choose the word or phrase that best fits the gap.

Science and technology have made our lives more comfortable. Cooking, sleeping and travelling are getting (8) _____ and faster with the help of modern devices like microwaves, air-conditioning, and cars. Thanks to (9) _____ appearance of smart phones, we can (10) _____ and share information with other people around the world. Information technology including the internet is a great (11) _____ of technology. With the help of the Internet, we

can get tremendous knowledge in science and other fields. Technology also (12) _____ an important role in business. Many (13) _____ transactions and events take place through the computer. This can help you save time and money for your business.

- | | | | |
|------------------|---------------|-----------------|--------------|
| 8. A. easy | B. easier | C. more easily | D. easily |
| 9 A. x | B. an | C. a | D. the |
| 10. A. believe | B. receive | C. communicate | D. think |
| 11. A. invention | B. invent | C. inventor | D. inventing |
| 12. A. takes | B. makes | C. brings | D. plays |
| 13. A. commerce | B. commercial | C. commercially | D. commerces |

Exercise 7: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

1. Ms. Hong is one of my friends.
 A. Ms. Hong is a friend of me.
 C. Ms. Hong is one friend of me.
 B. Ms. Hong is a friend of mine.
 D. Ms. Hong is one friend of my.
2. This is the laptop of my brother.
 A. This is my brother laptop.
 B. This is my brother's laptop.
 C. This is the laptop my brother.
 D. This is the laptop's brother.
3. "Where did you buy this watch?" Lisa asked me.
 A. Lisa asked me where did I buy that watch.
 B. Lisa asked me where I bought this watch.
 C. Lisa asked me where I had bought that watch.
 D. Lisa asked me where had I bought that watch.
4. "I'm going to visit your house next month," said Susan.
 A. Susan said me that she was going to visit my house the next month.
 B. Susan told me that she is going to visit my house the following month.
 C. Susan said to me that she was going to visit your house the following month.
 D. Susan told me that she was going to visit my house the following month.
5. "I will call you tomorrow," John said to me.
 A. John told me that he would call me the next day.
 B. John told me that he will call me tomorrow.
 C. John said me that he would call me the next day.
 D. John said that I will call him the next day.
6. As soon as we arrived at the airport, it started to rain.
 A. When we were arriving at the airport, it started to rain.
 B. As soon as we arrived at the airport, it was raining.
 C. No sooner had we arrived at the airport than it started to rain.
 D. We arrived at the airport as soon as it started to rain.
7. When he saw the police, he ran away.
 A. When seeing the police, he ran away.
 B. When he was seeing the police, he ran away.
 C. He ran away when was seeing the police.
 D. When he saw the police, he was running away.

Exercise 8: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

1. They / sit / rooftop / their house / when / rescue workers / appear.
 A. They were sitting on the rooftop of their house when the rescue workers appeared.

- B. They were sat on the rooftop of their house when the rescue workers appear.
C. They sat on the rooftop in their house when the rescue workers was appearing.
D. They were sitting on the rooftop their house when the rescue workers appearing.
2. The / more / difficult / the exam / be, / the / more / hard-working / students / become.
A. The most difficult the exam is, the more hard-working the students become.
B. The more difficult the exam is, the hard-working the students become.
C. The more difficult the exam is, the more hard-working the students become.
D. The difficult the exam, the more the students are hard-working.
3. We / start / the project / when / manager / give / approval.
A. We start the project when the manager will give approval.
B. We will start the project when the manager gives approval.
C. We will starting the project when the manager gives the approval.
D. We starts the project when the manager will give an approval.
4. As soon as/ my teacher/have/Internet connection/ she/send /me/ article.
A. As soon as my teacher has the Internet connection, she will send me the article.
B. As soon as my teacher had the Internet connection, she sent me the article.
C. As soon as my teacher will have the Internet connection, she sends me the article.
D. As soon as my teacher had had the Internet connection, she would send me the article.
5. She / ask / me / where / I / buy / book.
A. She asked me where I buy the book.
B. She asked me where I had bought the book.
C. She asked me where had I bought the book.
D. She asks me where did I buy the book.
6. My brother / say / he / fix / my laptop / following day.
A. My brother said he would fix my laptop the following day.
B. My brother said he will fix my laptop following day.
C. My brother says he fixed my laptop the following day.
D. My brother said that he fixes my laptop the following day.
7. Nam / think / cyberworld / replace / real world / future / .
A. Nam thinks cyberworld will replace the real world in the future.
B. Nam thinks cyberworld would replace the real world on the future.
C. Nam thinks the real world would replace cyberworld in the future.
D. Nam thinks cyberworld will replace the real world by the future.

MÔN: GDDP 8

A. Phạm vi ôn tập

1. Bài 8: Một số vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu ở Thành phố Hà Nội

- Đánh giá được hiện trạng môi trường nước, không khí và đất tại Hà Nội.
- Trình bày được nguồn phát sinh các chất thải gây ô nhiễm môi trường.
- Nêu được các biểu hiện của biến đổi khí hậu và tình trạng ngập lụt ở đô thị.

2. Bài 9: Thực hành khám phá và bảo vệ môi trường

- Trình bày được một trong số các nội dung về tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở thành phố Hà Nội.

- Nhận biết được vai trò của mỗi cá nhân trong việc bảo vệ môi trường.

- Có ý thức giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp.

3. Bài 10: Khái quát về làng nghề ở Hà Nội

- Kể tên một số làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội
- Trình bày cách phân loại làng nghề theo các tiêu chí
- Nêu vai trò của làng nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Trắc nghiệm (100% trắc nghiệm)

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Hà Nội có tài nguyên nước phong phú với bao nhiêu sông chính chảy qua?

- A. 8 B. 10 C. 9 D. 11

Câu 2. Ngoài hệ thống sông, tổng số hồ, ao trên địa bàn Hà Nội khoảng bao nhiêu?

- A. 365 B. 254 C. 111 D. 260

Câu 3. Con sông nào chảy qua Hà Nội có chất lượng nước khá tốt?

- A. Sông Nhuệ B. Sông Kim Ngưu
C. Sông Đáy D. Sông Hồng

Câu 4. Các doanh nghiệp sản xuất gây ô nhiễm nguồn nước bằng cách nào?

- A. Sử dụng nguồn nước sạch để sản xuất
B. Tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất
C. Xả nước thải công nghiệp chứa hóa chất độc hại mà không qua xử lý
D. Tái chế rác thải sinh hoạt

Câu 5. Nguyên nhân nào từ hoạt động giao thông vận tải gây ô nhiễm nước?

- A. Khí thải và dầu nhớt từ phương tiện giao thông đường sông
B. Sự bay hơi của nước từ mặt sông
C. Việc giảm lưu lượng phương tiện trên sông
D. Xây dựng các cây cầu bắc qua sông

Câu 6. Nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí trong thành phố là gì?

- A. Hệ thống điều hòa không khí trong các tòa nhà cao tầng
B. Khí xả thải từ ô tô, xe máy, đun bếp than tổ ong, xây dựng, phá dỡ công trình.
C. Thực hiện các biện pháp xử lý nước thải đúng quy trình.
D. Trồng nhiều cây xanh tại công viên và ven đường

Câu 7. Chất lượng không khí trên địa bàn Hà Nội có sự phân hoá như thế nào?

- A. Không thay đổi, luôn duy trì ở mức ổn định quanh năm.
B. Thay đổi thất thường, không theo quy luật nhất định.
C. Chỉ bị ảnh hưởng bởi hoạt động giao thông, không liên quan đến thời tiết theo mùa.
D. Theo quy luật mùa trong năm, thường ô nhiễm hơn vào mùa đông và cải thiện vào mùa hè.

Câu 8. Ô nhiễm mùi đang là vấn đề nổi cộm tại một số làng nghề trên địa bàn Hà Nội. Đây là các làng nghề ô nhiễm mùi nghiêm trọng?

- A. Làng chế biến nông sản Dương Liễu, làng mộc Chàng Sơn, làng mây tre Phú Nghĩa
- A. Làng quạt Chàng Sơn, làng cốm Mễ Trì, làng bún Phú Đô, làng thêu Quất Động
- C. Làng chè Ba Trại, làng miến Cự Đà, làng bánh chưng Tranh Khúc
- D. Làng bún Phú Đô, làng chè Ba Trại, làng quạt Chàng Sơn.

Câu 9. Loại đất nào có diện tích nhỏ nhất trong tổng quỹ đất của Hà Nội?

- A. Đất nông nghiệp
- B. Đất phi nông nghiệp
- C. Đất chưa sử dụng
- D. Đất đô thị

Câu 10. Những khu vực nào thường có mức độ ô nhiễm kim loại nặng trong đất cao nhất?

- A. Khu vực có nhiều cây xanh và công viên
- B. Các bãi chôn lấp chất thải công nghiệp, sinh hoạt
- C. Các khu dân cư ven đô thị hiện đại
- D. Khu vực đất nông nghiệp xa khu công nghiệp

Câu 11. Nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường đất trong thành phố Hà Nội do hoạt động giao thông là gì?

- A. Việc xây dựng quá nhiều cầu vượt và hầm chui
- B. Chất thải từ phương tiện giao thông như dầu diesel, dầu nhớt và kim loại nặng
- C. Xe cộ gây tắc đường làm tăng nhiệt độ môi trường
- D. Nước mưa rửa trôi bề mặt đường làm ô nhiễm đất

Câu 12. Nước thải làng nghề chiếm bao nhiêu phần trăm tổng lượng nước thải trên địa bàn Hà Nội?

- A. 81%
- B. 15%
- C. 3%
- D. 1%

Câu 13. Loại nước thải nào chiếm tỷ lệ lớn nhất trong tổng lượng nước thải trên địa bàn Hà Nội?

- A. Nước thải công nghiệp
- B. Nước thải sinh hoạt
- C. Nước thải làng nghề
- D. Nước thải y tế

Câu 14. Việc sử dụng hóa chất nào dưới đây có thể gây ô nhiễm đất nếu không được kiểm soát đúng cách?

- A. Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, phân bón hóa học
- B. Nước lọc và khoáng chất tự nhiên
- C. Dầu ăn và muối
- D. Vitamin và khoáng chất

Câu 15. Hà Nội có kiểu khí hậu nào sau đây?

- A. Khí hậu ôn đới lục địa
- B. Khí hậu hoang mạc khô nóng
- C. Khí hậu hàn đới
- D. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 16. Trong 60 năm gần đây (1961 – 2020), nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội đã tăng khoảng bao nhiêu độ C?

- A. 0,5°C
- B. 1,1°C
- C. 2,0°C
- D. 3,5°C

Câu 17. Nguyên nhân chính gây ra tình trạng ngập lụt đô thị tại Hà Nội là gì?

- A. Lượng mưa giảm đáng kể trong những năm gần đây
- B. Do hệ thống thoát nước tự nhiên ngày càng mở rộng
- C. Do thành phố có quá nhiều hồ điều hòa
- D. Do hạ tầng đô thị quá cũ, quy hoạch chắp vá và không đồng bộ

Câu 18. Mỗi cá nhân đều đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường. Vậy học sinh có thể làm gì để bảo vệ môi trường?

- A. Sử dụng túi ni lông một lần để tiện lợi
- B. Vứt rác bừa bãi ở sân trường
- C. Tái chế giấy, nhựa, kim loại thay vì vứt bỏ
- D. Xé sách vở cũ vứt đi thay vì tái sử dụng

Câu 19. Thực trạng môi trường ở Hà Nội hiện nay đang đối mặt với những vấn đề chính nào?

- A. Ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, rác thải và tiếng ồn
- B. Chỉ có ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước
- C. Chủ yếu là vấn đề rác thải và tiếng ồn
- D. Môi trường Hà Nội đang được cải thiện, không có vấn đề nghiêm trọng

Câu 20. Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, biện pháp nào sau đây đang được Hà Nội đẩy mạnh?

- A. Xây dựng thêm các khu công nghiệp mới
- B. Phát triển xe buýt điện và giao thông công cộng
- C. Cho phép đốt rác thải tự do ở ngoại thành
- D. Khuyến khích sử dụng xe máy cá nhân nhiều hơn

Câu 21. Đặc điểm chính của làng xã Việt Nam là gì?

- A. Gồm những người có cùng nghề nghiệp
- B. Tập hợp dân cư chủ yếu theo quan hệ láng giềng và huyết thống
- C. Chỉ gồm những người có cùng họ tộc
- D. Được thành lập theo quy định của triều đình

Câu 22. Làng ở nước ta được chia thành mấy loại?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 23: Làng nghề là gì?

- A. Làng có hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu
- B. Làng có một hoặc một số nghề thủ công nghiệp phát triển tách khỏi nông nghiệp
- C. Làng có hoạt động buôn bán thương mại quốc tế
- D. Làng chỉ tập trung vào sản xuất công nghiệp nặng

Câu 24: Nghề truyền thống được hiểu là gì?

- A. Nghề chỉ được thực hiện trong các nhà máy, khu công nghiệp
- B. Nghề chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn rồi biến mất
- C. Nghề do nước ngoài du nhập vào Việt Nam gần đây
- D. Nghề có lịch sử lâu đời, tạo ra sản phẩm độc đáo và được lưu truyền qua nhiều thế hệ

Câu 25. Nghề truyền thống ở làng nghề có đặc điểm gì?

- A. Tạo ra những sản phẩm mang tính đặc trưng riêng
- B. Được lưu truyền qua nhiều thế hệ
- C. Có nguy cơ bị mai một, thất truyền
- D. Chỉ tồn tại trong các khu đô thị hiện đại

Câu 26: Đây là các tiêu chí chính để phân loại làng nghề truyền thống?

- A. Theo thời gian hình thành và theo quy trình công nghệ
- B. Theo ngành sản xuất và theo tiềm năng tồn tại
- C. Theo thời gian hình thành và theo số lượng ngành nghề có trong làng
- D. Theo quy trình công nghệ và theo thời gian hình thành

Câu 27. Điểm khác biệt chính giữa làng nghề truyền thống và làng nghề mới là gì?

- A. Làng nghề truyền thống có nghề lâu đời, làng nghề mới hình thành trong thời gian gần đây
- B. Làng nghề truyền thống sử dụng máy móc hiện đại, làng nghề mới chỉ sản xuất thủ công
- C. Làng nghề truyền thống không có giá trị kinh tế, làng nghề mới có năng suất cao hơn
- D. Làng nghề truyền thống chỉ sản xuất để xuất khẩu, làng nghề mới chỉ phục vụ nội địa

Câu 28. Làng nghề mới thường xuất phát từ đâu?

- A. Được hình thành từ các xí nghiệp lớn và tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu
- B. Được truyền lại từ cha ông qua nhiều thế hệ
- C. Phát triển từ các ngành nghề nông nghiệp truyền thống
- D. Xuất hiện từ thời phong kiến

Câu 29. Làng nghề nào sau đây là làng nghề truyền thống nổi tiếng ở Hà Nội?

- A. Làng dệt lụa Tân Châu
- B. Làng chạm khắc đá Non Nước
- C. Làng gốm Bát Tràng
- D. Làng nón lá Gò Găng

Câu 30. Làng nghề lụa Vạn Phúc, một trong những làng nghề truyền thống nổi tiếng của Hà Nội, chuyên sản xuất gì?

- A. Đồ gốm sứ
- B. Đồ thủ công mỹ nghệ từ tre, nứa
- C. Lụa tơ tằm cao cấp
- D. Đồ kim hoàn

Câu 31. Làng nghề mộc Chàng Sơn (Hà Nội) nổi tiếng với sản phẩm nào?

- A. Sản xuất đồ gỗ thủ công mỹ nghệ
- B. Dệt lụa
- C. Đúc đồng
- D. Làm bánh cốm

Câu 32. Làng nghề gốm sứ Bát Tràng nổi tiếng của Hà Nội nằm ở huyện nào?

- A. Đông Anh
- B. Gia Lâm
- C. Thanh Trì
- D. Hoài Đức

Câu 33. Sự phát triển của làng nghề có tác động gì đến lao động ở nông thôn?

- A. Thu hút lao động dư thừa tại địa phương và từ các vùng khác
- B. Giảm cơ hội việc làm cho người dân địa phương
- C. Khiến nhiều lao động phải chuyển sang làm nông nghiệp
- D. Chỉ tác động đến những người làm nghề truyền thống từ trước

Câu 34. Làng nghề đóng vai trò gì trong nền kinh tế Hà Nội?

- A. Không có ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế nông thôn
- B. Chỉ cung cấp sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trong làng
- C. Sản xuất ra một khối lượng hàng hóa lớn, đóng góp vào kinh tế thủ đô và địa phương
- D. Chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp truyền thống

Câu 35. Ở những địa phương có nhiều làng nghề, nền kinh tế nông thôn có xu hướng như thế nào?

- A. Chỉ tập trung vào nông nghiệp mà không có ngành nghề khác
- B. Kém phát triển hơn do tập trung vào tiểu thủ công nghiệp
- C. Không có sự khác biệt so với các vùng thuần nông
- D. Phát triển mạnh hơn so với các địa phương có ít làng nghề

Câu 36. Làng nghề nào sau đây chuyên sản xuất giò chả truyền thống?

- A. Làng nghề Vạn Phúc (Hà Nội)
- B. Làng nghề Đa Sỹ (Hà Nội)
- C. Làng nghề La Phù (Hà Nội)
- D. Làng nghề Ước Lễ (Hà Nội)

Câu 37. Một trong những thay đổi quan trọng mà làng nghề mang lại trong sản xuất là gì?

- A. Giảm tỉ trọng lao động trong ngành tiểu thủ công nghiệp
- B. Duy trì mô hình sản xuất tự cung tự cấp như trước đây
- C. Hạn chế sự phát triển của công nghiệp ở nông thôn
- D. Chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ, độc canh sang sản xuất hàng hóa quy mô lớn

Câu 38. Long đình gốm Bát Tràng được công nhận là Bảo vật quốc gia vào thời gian nào?

- A. 23/12/2015
- B. 15/06/2018
- C. 01/01/2020
- D. 10/10/2012

Câu 39. Vì sao Long đình gốm Bát Tràng được công nhận là Bảo vật quốc gia?

- A. Là sản phẩm có giá trị thương mại cao nhất của Bát Tràng
- B. Là sản phẩm gốm có kích thước lớn nhất Việt Nam

- C. Là tác phẩm gốm sứ có giá trị nghệ thuật, lịch sử và văn hóa đặc biệt
D. Là sản phẩm duy nhất còn lại của triều đại phong kiến

Câu 40. Làng nghề nào nổi tiếng với việc tái chế kim loại phế liệu?

- A. Làng nghề Phú Vinh (Hà Nội) C. Làng nghề Đại Bái (Bắc Ninh)
B. Làng nghề Vạn Phúc (Hà Nội) D. Làng nghề Bát Tràng (Hà Nội)

Câu 41. Làng nghề làm tương nổi tiếng nhất ở miền Bắc là làng nào?

- A. Làng nghề Bát Tràng (Hà Nội) C. Làng nghề Phú Xuyên (Hà Nội)
B. Làng nghề Cự Đà (Hà Nội) D. Làng nghề Đại Bái (Bắc Ninh)

Câu 42. Làng nghề góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn bằng cách nào?

- A. Khuyến khích người dân quay trở lại làm nông nghiệp thuần túy
B. Giảm tỉ trọng của khu vực nông nghiệp, tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ
C. Duy trì hình thức sản xuất nhỏ lẻ, tự túc tự cấp
D. Chỉ tập trung vào các hoạt động thương mại mà không sản xuất

Câu 43. Làng nghề Nghĩa Trai (Hưng yên) nổi tiếng với nghề truyền thống nào dưới đây?

- A. Dệt lụa tơ tằm C. Làm gốm sứ cao cấp
B. Ché tác đồ gỗ mỹ nghệ D. Sản xuất dược liệu truyền thống

Câu 44. Hà Nội thường tổ chức sự kiện nào để quảng bá sản phẩm làng nghề?

- A. Hội chợ thủ công mỹ nghệ quốc tế Hà Nội
B. Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột
C. Festival biển Nha Trang
D. Tuần lễ thời trang Việt Nam

Câu 45. Hình thức nào giúp du khách trải nghiệm trực tiếp quy trình sản xuất tại làng nghề?

- A. Đọc thông tin về làng nghề trên sách giáo khoa
B. Mua sản phẩm tại các trung tâm thương mại lớn
C. Xem quảng cáo trên truyền hình
D. Tour du lịch làng nghề kết hợp trải nghiệm làm sản phẩm thủ công

Câu 46. Quá trình tách nghề thủ công ra khỏi nông nghiệp chủ yếu diễn ra do yếu tố nào?

- A. Nhà nước bắt buộc các làng phải phát triển nghề thủ công
B. Sự suy giảm của sản xuất nông nghiệp
C. Nhu cầu trao đổi hàng hóa ngày càng tăng
D. Sự xuất hiện của máy móc hiện đại thay thế lao động thủ công

Câu 47. Có bao nhiêu vai trò của làng nghề trong phát triển kinh tế – xã hội thành phố Hà Nội?

- A. 3 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 48. Nghề may ở Cổ Nhuế giải quyết việc làm cho bao nhiêu lao động?

- A. Khoảng 650 lao động C. Khoảng 500 lao động
B. Khoảng 930 lao động D. Khoảng 720 lao động

Câu 49. Học sinh có thể làm gì để bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc?

- A. Tìm hiểu và giới thiệu về các di sản văn hóa, làng nghề truyền thống
B. Chỉ quan tâm đến văn hóa hiện đại mà bỏ qua truyền thống
C. Không tham gia vào các hoạt động liên quan đến văn hóa dân tộc
D. Hạn chế sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống

Câu 50. Thành phố Hà Nội hiện có chính sách nào sau đây để phát triển làng nghề?

- A. Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp
B. Chỉ tập trung phát triển các làng nghề có giá trị kinh tế cao
C. Hạn chế đầu tư vào cơ sở hạ tầng làng nghề để bảo tồn không gian truyền thống
D. Không có chính sách cụ thể để phát triển làng nghề

MÔN: Tin học 8

A. Phạm vi ôn tập

1. Nội dung kiến thức:

* Chủ đề 4: Ứng dụng của tin học

+ Bài 11a: Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu

* Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính

+ Bài 12: Từ thuật toán đến chương trình

+ Bài 13: Biểu diễn dữ liệu

+ Bài 14: Cấu trúc điều khiển

2. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

- Câu hỏi tự luận

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm: Gồm 20 câu hỏi. Mỗi câu 0,25 điểm

II. Tự luận: Gồm 3 câu hỏi và bài tập tự luận

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Có mấy loại cấu trúc lặp trong lập trình trực quan?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 2: Mệnh đề “Nếu bạn Hoa ốm phải nghỉ học, em sẽ chép bài giúp bạn” thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ

B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu

C. Cấu trúc lặp

D. Cấu trúc tuần tự

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Cấu trúc lặp có số lần lặp luôn được xác định trước

B. Cấu trúc lặp bao giờ cũng có điều kiện để vòng lặp kết thúc

C. Cấu trúc lặp có hai loại là lặp với số lần biết trước và lặp với số lần không biết trước

D. Cấu trúc lặp có loại kiểm tra điều kiện trước và lại kiểm tra điều kiện sau

Câu 4: Bạn Hoàng xây dựng thuật toán cho nhân vật di chuyển trên sân khấu với quy luật như sau: Nếu nhân vật gặp chướng ngại vật (chẳng hạn tảng đá) thì nhân vật sẽ đổi hướng trước khi tiếp tục di chuyển về phía trước. Nếu nhân vật không gặp phải chướng ngại vật thì nhân vật tiếp tục tiến về phía trước. *Bạn Hoàng nên dùng lại cấu trúc điều khiển nào?*

A. Cấu trúc tuần tự

B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu

C. Cấu trúc lặp

D. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ

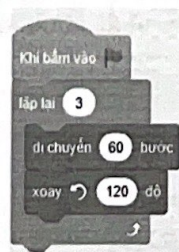
Câu 5: Kết quả của chương trình sau là gì?

A. Vẽ một hình tam giác

B. Vẽ một hình chữ nhật

C. Vẽ một hình tròn

D. Vẽ một hình elip



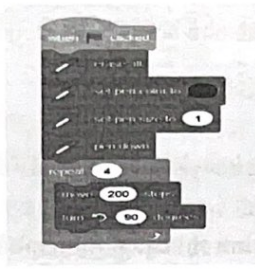
Câu 6: Kết quả của chương trình sau là gì?

A. Vẽ một hình tam giác

C. Vẽ một hình tròn

B. Vẽ một hình chữ nhật

D. Vẽ một hình elip



Câu 7: Đại lượng được đặt tên dùng để lưu trữ dữ liệu, có giá trị không đổi trong suốt quá trình thực hiện chương trình được gọi là

- A. Tên B. Từ khóa C. Biến D. Hằng

Câu 8: Cụm từ "Tin học 8" là dữ liệu thuộc kiểu?

- A. Số B. Logic C. Xâu kí tự D. Kí tự

Câu 9: Kiểu dữ liệu của hằng có thể là

- A. Kiểu số C. Kiểu logic
B. Kiểu xâu kí tự D. Kiểu số, kiểu xâu hoặc kiểu logic

Câu 10: 7.158776 là dữ liệu kiểu?

- A. Kí tự B. Số thập phân C. Số nguyên D. Xâu kí tự

Câu 11: Trong ngôn ngữ lập trình Scratch, kiểu dữ liệu số gồm tập hợp giá trị

- A. Số nguyên C. Số nguyên và số thập phân
B. Số thập phân D. Số tự nhiên

Câu 12: Mỗi kiểu dữ liệu là một tập hợp các giá trị như thế nào?

- A. Một biến thuộc kiểu đó có thể nhận C. Nhiều biến thuộc kiểu đó có thể nhận
B. Một biến thuộc kiểu đó không thể nhận D. Nhiều biến kiểu đó không thể nhận

Câu 13: Phép toán nào dưới đây không phải là phép toán logic?

- A. Và (and) C. Không phải (not)
B. Hoặc (or) D. Kết hợp (join)

Câu 14: Để máy tính "hiểu" và thực hiện thuật toán thì ta cần?

- A. Điều khiển máy tính C. Viết chương trình
B. Giải mẫu cho máy tính D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 15: Bạn Khoa viết kịch bản mô tả hoạt động - của xe ô tô chạy trên đường như sau: Khi xe cách hòn đá nhỏ hơn 120 bước, xe sẽ dừng lại. Chương trình Scratch thực hiện thuật toán là?

- A. Xe khởi động -> Khoảng cách hòn đá 120 bước -> nhắc-> đi 5 bước -> dừng lại
B. Xe khởi động-> Khoảng cách hòn đá 120 bước -> đi 5 bước -> nhắc -> dừng lại
C. Xe khởi động -> đi 5 bước -> Khoảng cách hòn đá 120 bước -> nhắc -> dừng lại
D. Xe khởi động -> đi 5 bước-> nhắc -> Khoảng cách hòn đá 120 bước -> dừng lại

Câu 16: Biểu diễn chỉ số BMI của cơ thể là (Cân nặng/Chiều cao*Chiều cao). Biểu thức này trả lại giá trị thuộc kiểu dữ liệu nào?

- A. Kiểu số C. Kiểu logic
B. Kiểu xâu kí tự D. Không xác định

Câu 17: Để tính diện tích hình tròn trong ngôn ngữ lập trình Scratch cần nhập công thức?

- A. $3.14 \cdot R$ C. $3.14 \cdot R \cdot R$
B. $3.14 \cdot 2 \cdot R$ D. $3.14 \cdot R + R$

Câu 18: Trong các ngôn ngữ lập trình, dữ liệu được phân loại thành những kiểu khác nhau để

- A. lưu trữ dữ liệu B. áp dụng những phép toán phù hợp

C. lưu trữ và áp dụng những phép toán phù hợp D. dễ dàng tính toán

Câu 19: Mỗi kiểu dữ liệu gồm

- A. một tập hợp giá trị B. một số phép toán
- C. một tập hợp giá trị và một số phép toán trên những giá trị đó
- D. các biến, hằng.

Câu 20: Trong các ngôn ngữ lập trình thì cái gì được phân loại thành kiểu logic?

- A. Kí tự C. Các điều kiện hay các phép so sánh
- B. Văn bản D. Số

Câu 21: Đầu là dữ liệu kiểu số?

- A. Số nguyên, số thực, số tự nhiên C. Đúng (true), sai (false)
- B. Dãy kí tự D. Một kí tự

Câu 22: Biến nhận dữ liệu kiểu nào?

- A. Kiểu số C. Kiểu logic
- B. Kiểu Xâu kí tự D. Kiểu số, kiểu xâu kí tự hoặc kiểu logic

Câu 23: Lệnh "Rotate Right; Rotate Left; Flip Vertical; Flip Horizontal". Đây là các câu lệnh sử dụng với mục đích gì?

- A. Tạo hiệu ứng, thêm chữ vào hình vẽ C. Định dạng nền, đường viền, nét vẽ của hình vẽ
- B. Lật, xoay hình vẽ D. Vẽ đồ họa bằng mẫu có sẵn

Câu 24: Công cụ giúp bài trình chiếu có giao diện thống nhất, chuyên nghiệp mà không mất thời gian là

- A. Mẫu định dạng B. Bản mẫu (template)
- C. Hiệu ứng D. Hình ảnh đẹp

Câu 25: Một bài trình chiếu đẹp, chuyên nghiệp là

- A. có nhiều hình ảnh C. sự phối hợp của nội dung, bố cục và màu sắc
- B. có nhiều chữ D. màu sắc sặc sỡ

Câu 26: Chọn phát biểu đúng

- A. Văn bản trên trang chiếu cần ngắn gọn, súc tích
- B. Văn bản trên trang chiếu càng chi tiết, đầy đủ càng tốt
- C. Sử dụng càng nhiều màu sắc cho văn bản trên trang chiếu càng giúp người xem tập trung
- D. Sử dụng nhiều loại phông chữ cho văn bản trên trang chiếu sẽ thu hút được sự chú ý của người xem

Câu 27: Câu lệnh của vẽ hình đồ họa bằng mẫu có sẵn như nào?

- A. Chọn Insert, nhấn nút lệnh Shapes, chọn một mẫu có sẵn. Khi con trỏ có dấu thực hiện kéo thả trên trang văn bản để vẽ hình tại vị trí mình mong muốn.
- B. Chọn Insert, chọn mẫu có sẵn, khi con trỏ có dấu thực hiện kéo thả trên trang văn bản để vẽ hình tại vị trí mình mong muốn
- C. Chọn một mẫu có sẵn, khi con trỏ có dấu thực hiện kéo thả trên trang văn bản để vẽ hình
- D. Chọn Draw, chọn Drawing Canvas

Câu 28: Mẫu định dạng là

- A. Một tập hợp màu sắc, phông chữ và hình ảnh
- B. Một tập hợp chữ viết xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất và chuyên nghiệp
- C. Một tập hợp màu sắc, phông chữ và hiệu ứng hình ảnh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp
- D. Đáp án khác

Câu 29: Các thao tác không thể thực hiện với bản mẫu

- A. Chỉnh sửa
- B. Chia sẻ
- C. Thống kê
- D. Tái sử dụng

Câu 30: Làm thế nào để lưu bài trình chiếu dưới dạng video:

- A. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as (chọn thư mục lưu tệp), chọn Save
- B. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as nhấp chuột phải vào mũi tên bên phải ô Save as type (chọn *.mp4 hoặc *.wmv) chọn Save
- C. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as(chọn thư mục lưu tệp) nhấp chuột phải vào mũi tên bên phải ô Save as type (chọn *.mp4 hoặc *.wmv) chọn Save
- D. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as(chọn thư mục lưu tệp) nhấp chuột phải vào mũi tên bên phải ô Save as type (chọn *.mp4 hoặc *.wmv)

Trắc nghiệm đúng – sai

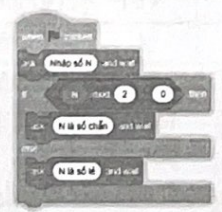
Câu 31: Nhóm của An cần tạo một bài thuyết trình về quần thể danh thắng Tràng An. Các thành viên trong nhóm đã đưa ra những ý kiến như sau:

- A. Văn bản sử dụng trong bài thuyết trình cần ngắn gọn, súc tích
- B. Sử dụng nhiều hình ảnh kết hợp với video hoặc lời dẫn để tạo ấn tượng cho bài thuyết trình
- C. Không cần sử dụng hình ảnh mà chỉ viết một bài giới thiệu thật hay về Tràng An là được
- D. Nên sử dụng phần mềm Canva để bài thuyết trình ấn tượng hơn

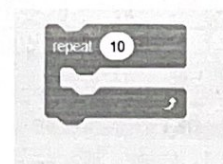
Câu 32: Trong bài toán đường đi của chú Bọ rùa, em đã tạo ra chương trình để chú Bọ rùa di chuyển theo đường đi là một tam giác đều. Để khái quát bài toán với đường đi của nhân vật là một hình đa giác đều thì cần phải chú ý những điểm gì?

- A. Chương trình có sử dụng hằng, biến, biểu thức để thực hiện thuật toán
- B. Biến được dùng để lưu trữ giá trị và không thay đổi trong khi thực hiện chương trình
- C. Thuật toán trên không cần sử dụng biểu thức
- D. Cần tạo 3 biến là số cạnh, số bước và góc quay

Hình vẽ sau sử dụng cho câu 33 và 34



Hình a)



Hình b)

Câu 33: Nam viết một chương trình để kiểm tra số nguyên nhập vào có phải số chẵn hay không.

Câu ấy sử dụng đoạn mã ở hình a)

- A. Nam đã sử dụng cấu trúc điều khiển để lập trình
- B. Cấu trúc sử dụng trong đoạn mã trên là cấu trúc lặp
- C. Nam đã sử dụng cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ
- D. Nam không sử dụng cấu trúc điều khiển mà chỉ sử dụng lệnh gán

Câu 34: Khối lệnh trong Hình b) thể hiện

A. Cấu trúc lặp với số lần biết trước

C. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ

B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu

D. Khối lệnh lặp lại 10 lần

II. Phần tự luận

Câu 1: Nêu khái niệm kiểu dữ liệu? Có mấy kiểu dữ liệu?

Câu 2: Trình bày hiểu biết của em về hằng, biến, biểu thức?

Câu 3: Lợi ích của việc mô tả thứ tự thực hiện các câu lệnh bằng cấu trúc điều khiển? Kể tên các cấu trúc điều khiển cơ bản đã học?

Câu 4: Nêu hiểu biết của em về bản mẫu trong phần mềm trình chiếu?

MÔN: TOÁN 8

A. Phạm vi ôn tập

1. Nội dung kiến thức

* Đại số:

- Xác suất của biến cố ngẫu nhiên và xác suất thực nghiệm của biến cố trong một số trò chơi đơn giản
- Phương trình bậc nhất một ẩn, cách giải phương trình bậc nhất một ẩn, và ứng dụng

* Hình học:

- Định lý Thalès và ứng dụng của định lý Thalès trong tam giác
- Đường trung bình của tam giác, tính chất đường phân giác của tam giác
- Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác cạnh - cạnh - cạnh

2. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- Câu hỏi tự luận
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn

B. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Một hộp đựng 4 quả cầu màu xanh được đánh số 1; 2; 3; 4 và 5 quả cầu màu đỏ được đánh số 1; 2; 3; 4; 5. Lấy ngẫu nhiên một quả cầu trong hộp. Xác suất của biến cố “Lấy được quả cầu màu đỏ ghi số 5” là:

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{1}{9}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 2. Khánh gieo một con xúc xắc 50 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	4	10	11	7	12	6

Xác suất thực nghiệm của biến cố “xuất hiện mặt 1 chấm” là:

- A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{6}{25}$ C. $\frac{2}{25}$ D. $\frac{1}{25}$

Câu 3. Chè Thái Nguyên là một loại chè ngon của nước ta, được nhiều người ưa thích, một dây chuyền đóng gói loại 200g, kiểm tra khối lượng của 120 gói cho kết quả như sau:

Khối lượng (g)	197	198	199	200	201	202	203
Số gói	1	1	5	104	7	1	1

Xác suất thực nghiệm của biến cố khối lượng gói chè không phải là 200g là:

- A. $\frac{2}{15}$ B. $\frac{104}{200}$ C. $\frac{1}{120}$ D. $\frac{7}{120}$

Câu 4. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất một ẩn ?

- A. $x^2 - 4 = 0$ B. $(x-1)(x+2) = 0$ C. $5x+3=0$ D. $x^3 - 8 = 0$

Câu 5. Nghiệm của phương trình $3x - 9 = 0$ là:

- A. $x=3$ B. $x=-3$ C. $x=\frac{1}{3}$ D. $x=\frac{-1}{3}$

Câu 6. Nghiệm của phương trình $x - 12 = 6 - x$ là:

- A. $x=9$ B. $x=-9$ C. $x=8$ D. $x=-8$

Câu 7. Số thứ nhất là a , số thứ hai là 59 ; tổng của hai số bằng:

- A. $a - 59$ B. $a + 59$ C. $59a$ D. $a : 59$

Câu 8. Hình chữ nhật có chiều dài là a , chiều rộng là b . Diện tích của hình đó là:

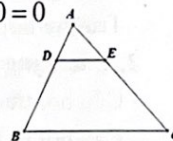
- A. $a + b$ B. $(a + b) \cdot 2$ C. $a - b$ D. $a \cdot b$

Câu 9. Gọi x (km/h) là vận tốc xe máy đi được trong 2 giờ với quãng đường là 90 km, khi đó ta có phương trình:

- A. $90x = 2$ B. $2x = 90$ C. $x = 90 \cdot 2$ D. $2x + 90 = 0$

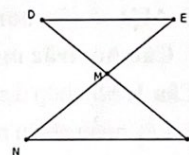
Câu 10. Cho hình vẽ, trong đó $DE \parallel BC$, $AD = 12$, $DB = 18$, $CE = 30$. Độ dài AC bằng:

- A. 20 cm B. 45 cm C. 50 cm D. $\frac{18}{25}$ cm



Câu 11. Cho hình vẽ. Biết $DE \parallel NP$. Áp dụng hệ quả của định lý Thales ta được khẳng định nào đúng?

- A. $\frac{ME}{MN} = \frac{MD}{MP} = \frac{ED}{NP}$ B. $\frac{NP}{DE} = \frac{MP}{ME}$
C. $\frac{DE}{NP} = \frac{ME}{MP}$ D. $\frac{MD}{MN} = \frac{ME}{MP} = \frac{ED}{NP}$



Câu 12. Cho $\triangle ABC$, AD là phân giác trong của góc A . Hãy chọn câu đúng:

- A. $\frac{DC}{DB} = \frac{AB}{AC}$ B. $\frac{AB}{DB} = \frac{AC}{DC}$ C. $\frac{AB}{DB} = \frac{DC}{AC}$ D. $\frac{AB}{DB} = \frac{DC}{AC}$

Câu 13. Cho $\triangle ABC$, $AC = 2 \cdot AB$, AD là đường phân giác của tam giác ABC , khi đó $\frac{BD}{CD} = ?$

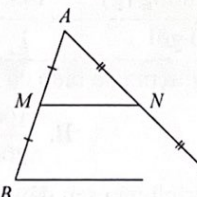
- A. $\frac{BD}{CD} = 1$ B. $\frac{BD}{CD} = \frac{1}{3}$ C. $\frac{BD}{CD} = \frac{1}{4}$ D. $\frac{BD}{CD} = \frac{1}{2}$

Câu 14. Cho $\triangle MNP \sim \triangle EGF$, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. $\hat{M} = \hat{E}$ B. $\frac{MN}{EG} = \frac{MP}{EF}$ C. $\frac{NP}{MP} = \frac{EG}{FG}$ D. $\frac{MN}{NP} = \frac{EG}{FG}$

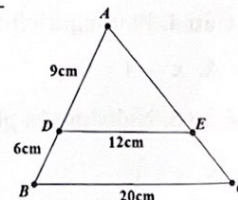
Câu 15. Cho hình vẽ bên, Đoạn thẳng MN gọi là

- A. đường trung tuyến của tam giác ABC .
B. đường trung trực của tam giác ABC .
C. đường phân giác của tam giác ABC .
D. đường trung bình của tam giác ABC .



Câu 16. Cho hình vẽ sau biết $DADE \sim DABC$. Tỉ số đồng dạng là:

- A. $k = \frac{3}{2}$ B. $k = \frac{2}{3}$
C. $k = \frac{3}{5}$ D. $k = \frac{5}{3}$



Câu 17. Cho $\triangle ABC$ biết $MN \parallel AB$ ($M \in AC, N \in BC$) thì:

- A. $\triangle CMN \sim \triangle ABC$ B. $\triangle CNM \sim \triangle ABC$ C. $\triangle CNM \sim \triangle CAB$ D. $\triangle MNC \sim \triangle ABC$

II. Câu hỏi tự luận

Bài 1. Thống kê thời gian chạy ngắn 100m trong giờ kiểm tra GDTC của 25 học sinh nữ lớp 8A cho kết quả như sau:

Thời gian chạy trong khoảng	Số học sinh
Từ 10 đến 12 giây	3
Từ 13 đến 15 giây	15
Từ 16 đến 18 giây	5
Trên 18 giây	2

Tính xác suất thực nghiệm của các biến cố sau:

- a) A: “Số HS chạy trong khoảng từ 10 đến 12 giây”.
b) B: “Số HS chạy trong khoảng thời gian từ 13 đến 15 giây”.
c) C: “Số HS chạy trong khoảng thời gian trên 16 giây”.

Bài 2. Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số.

- a) Có bao nhiêu cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên như vậy?

- b) Tính xác suất của mỗi biến cố sau:

- “Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên”;
- “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho 13”.

Bài 3. Giải các phương trình sau:

- a) $5x + 35 = 0$ b) $2x + 5 = 20 - 3x$ c) $x - 12 + 4x = 25 + 2x - 1$
d) $2x - (3 - 5x) = 4(x + 3)$ e) $5(x - 3) - 4 = 2(x - 1) + 7$ f) $2x + x(x + 1)(x - 1) = (x + 1)(x^2 - x + 1)$
g) $\frac{5x - 2}{3} = \frac{5 - 3x}{2}$ h) $\frac{x + 4}{4} - \frac{x - 3}{6} = \frac{x}{3}$ i) $\frac{7x - 1}{6} + 2x = \frac{16 - x}{5}$

Bài 4. Giải các bài toán sau bằng cách lập phương trình:

- a) Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc 30km/h. Lúc từ B về A, người đó đi với vận tốc 45km/h nên thời gian về ít hơn thời gian đi là 30 phút. Tính độ dài quãng đường AB.
b) Một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 30km/h. Khi đến B, ô tô trả hàng mất 2 giờ rồi quay về A với vận tốc 40km/h. Tổng thời gian đi, trả hàng ở B và về mất 10 giờ 45 phút. Tính độ dài quãng đường AB.
c) Một người đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12km/h. Khi từ B trở về A người đó đi theo con đường khác ngắn hơn con đường cũ là 5km và vận tốc nhỏ hơn vận tốc lúc đi là 2km/h. Tính chiều dài quãng đường AB lúc đi biết thời gian lúc đi ít hơn thời gian lúc về là 40 phút.
d) Một đội lập kế hoạch khai thác than, theo đó mỗi ngày phải khai thác 40 tấn than. Nhưng khi thực hiện mỗi ngày đội khai thác được 45 tấn than do đó đội hoàn thành kế hoạch trước 2 ngày và vượt mức 10 tấn than. Hỏi theo kế hoạch đội phải khai thác bao nhiêu tấn than.
e) Một đội sản xuất lập kế hoạch may khẩu trang trong 20 ngày. Nhờ cải tiến kĩ thuật và tăng năng suất lao động mỗi ngày đội may thêm được 250 chiếc khẩu trang nên đã hoàn thành kế hoạch sớm 2 ngày và làm thêm được 2100 chiếc khẩu trang so với kế hoạch. Tính số khẩu trang mà đội đó lập kế hoạch làm.

Bài 5. Cho tam giác ABC, trung tuyến AD. Tia phân giác của góc ADB cắt AB tại M, tia phân giác của góc ADC cắt AC tại N

- a) Chứng minh: $\frac{AM}{MB} = \frac{AN}{NC}$ b) Chứng minh: $MN \parallel BC$

- c) Gọi I là giao điểm của AD và MN. Chứng minh I là trung điểm của MN

Bài 6. Cho tam giác ABC vuông tại A có $AB = 10\text{cm}$, $AC = 20\text{cm}$. Trên cạnh AC lấy điểm M sao cho $AM = 5\text{cm}$.

- a) Tính độ dài BC, BM b) Chứng minh $\triangle ABC \sim \triangle AMB$

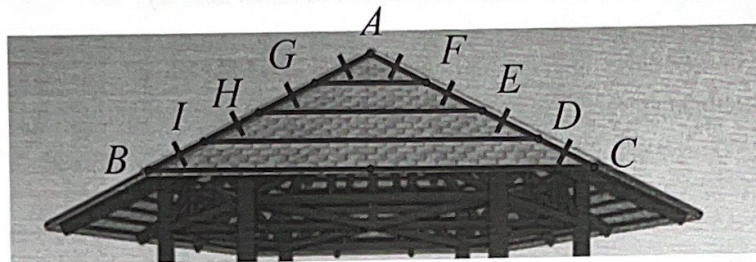
Bài 7. Cho tam giác ABC vuông tại A, điểm D thuộc cạnh BC. Gọi M, N lần lượt là hình chiếu của D trên AB, AC.

a) Chứng minh $\triangle BDM \sim \triangle BCA$ và $\triangle CDN \sim \triangle CBA$.

b) Cho $AB = 3\text{m}$, $AC = 4\text{m}$ và $DB = 3\text{cm}$. Tính độ dài BM.

c) Chứng minh $BM \cdot CN = DM \cdot DN$.

Bài 8. Hình bên dưới là một cái chòi lục giác (có 6 mái là những tam giác cân bằng nhau). Để làm mái người ta làm các thanh mè (lito) như hình vẽ. Hỏi cần bao nhiêu cây sắt hộp để làm thanh mè (lito) cho mái chòi lục giác. Biết thanh mè (lito) BC dài 4m và mỗi cây sắt hộp dài 6m.



MÔN CÔNG NGHỆ 8

A. Phạm vi ôn tập.

1. Nội dung kiến thức

Chương III: An toàn điện

Chương IV: Kỹ thuật điện

2. Các dạng câu hỏi

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.
- Câu hỏi trắc nghiệm Đúng-Sai.
- Câu hỏi tự luận.
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn.

B. Một số câu hỏi tham khảo

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Bộ phận truyền dẫn là?

- A. Rơ le điện
- B. Dây dẫn, cáp điện
- C. Cầu dao điện
- D. Bếp điện

Câu 2: Thiết bị có chức năng đóng cắt và bảo vệ mạch điện là?

- A. Công tắc
- B. Cầu dao điện
- C. Cầu chì
- D. Aptomat

Câu 3: Chức năng của nguồn điện là

- A. cung cấp điện cho mạch điện hoạt động
- B. đóng, cắt mạch điện
- C. dẫn điện từ nguồn điện đến phụ tải điện
- D. điều khiển và bảo vệ mạch khi gặp sự cố

Câu 4: Cầu chì có công dụng gì?

- A. Bảo vệ an toàn cho đồ dùng điện
- B. Bảo vệ an toàn cho mạch điện
- C. Bảo vệ an toàn cho đồ dùng điện và mạch điện
- D. Đóng, cắt mạch điện

Câu 5: Đây là kí hiệu phần tử nào trong mạch điện điều khiển?

A ———

- A. Dây pha
- B. Dây trung tính
- C. Nguồn một chiều
- D. Cầu chì

Câu 6: Cấu trúc chung của mạch điện gồm mấy thành phần chính?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 7: Sơ đồ khối cấu trúc chung của mạch điện là

- A. Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ → Nguồn điện → Phụ tải
- B. Phụ tải → Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ → Nguồn điện
- C. Nguồn điện → Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ → Phụ tải
- D. Nguồn điện → Phụ tải → Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ

Câu 8: Sơ đồ khối mạch điện điều khiển là

- A. Cảm biến, bộ phận xử lí điều khiển → Nguồn điện → Đối tượng điều khiển
- B. Đối tượng điều khiển → Cảm biến, bộ phận xử lí điều khiển → Nguồn điện
- C. Nguồn điện → Cảm biến, bộ phận xử lí điều khiển → Đối tượng điều khiển
- D. Nguồn điện → Đối tượng điều khiển → Cảm biến, bộ phận xử lí điều khiển

Câu 9: Có loại cảm biến nào sau đây?

- A. Cảm biến ánh sáng
- B. Cảm biến ánh sáng, cảm biến nhiệt độ
- C. Cảm biến ánh sáng, cảm biến nhiệt độ, cảm biến màu sắc
- D. Cảm biến ánh sáng, cảm biến nhiệt độ, cảm biến màu sắc, cảm biến độ ẩm

Câu 10: Cho biết tên gọi của loại cảm biến sau?



- A. Cảm biến ánh sáng
C. Cảm biến hồng ngoại

- B. Cảm biến nhiệt độ
D. Cảm biến độ ẩm

Câu 11. Công dụng của mô đun cảm biến ánh sáng là gì?

- A. Biến đổi ánh sáng thành tín hiệu điều khiển.
B. Biến đổi độ ẩm của môi trường thành tín hiệu điều khiển.
C. Biến đổi nhiệt độ của môi trường thành tín hiệu điều khiển.
D. Biến đổi nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

Câu 12: Mô đun cảm biến hồng ngoại được sử dụng như nào trong đời sống?

- A. Bật, tắt đèn tự động khi có người đi lại
B. Đóng mở tự động rèm cửa
C. Sử dụng trong máy tạo ẩm
D. Sử dụng trong máy điều hòa không khí

Câu 13: Sắp xếp các bước sau theo quy trình lắp ráp một mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến

1. Chuẩn bị
2. Vận hành mạch điện
3. Tìm hiểu sơ đồ mạch điện
4. Lắp ráp mạch điện
5. Tìm hiểu về mô đun cảm biến

A. 1 - 2 - 3 - 4 - 5

B. 3 - 2 - 1 - 5 - 4

C. 5 - 3 - 1 - 4 - 2

D. 5 - 4 - 2 - 1 - 3

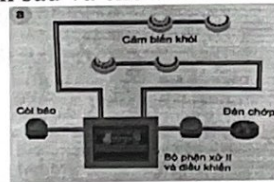
Câu 14: Ở bước nào cần yêu cầu cấp nguồn và kiểm tra hoạt động của mạch điện?

- A. Tìm hiểu sơ đồ mạch điện
B. Chuẩn bị
C. Lắp ráp mạch điện
D. Vận hành mạch điện

Câu 15: Nội dung thực hiện ở bước chuẩn bị là?

- A. Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu và thiết bị theo sơ đồ mạch điện
B. Xác định thành phần chính và đầu nối của mạch điện
C. Xác định vị trí cổng đầu vào, cổng ra của mô đun
D. Cấp nguồn, kiểm tra hoạt động của mạch điện; đánh giá và điều chỉnh

Câu 16: Quan sát mạch điện điều khiển sau và cho biết nó sử dụng mô đun cảm biến nào?



- A. Mô đun cảm biến ánh sáng
C. Mô đun cảm biến khói

- B. Mô đun cảm biến nhiệt độ
D. Mô đun cảm biến tiệm cận
B. Tìm hiểu về sơ đồ mạch điện
D. Lắp ráp mạch điện

Câu 17. Bước 1 của quy trình lắp ráp mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến là?

- A. Tìm hiểu về mô đun cảm biến
C. Chuẩn bị

Câu 18. Nghề nào thuộc ngành nghề kỹ sư điện?

- A. Kỹ sư cơ điện
C. thợ lắp đặt đường dây điện

- B. Kỹ thuật viên kỹ thuật truyền tải điện
D. thợ sửa chữa điện gia dụng

Câu 19. Quy trình lắp ráp mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến gồm có mấy bước?

- A. 1
C. 5

- B. 3
D. 6

Câu 20. Người lao động trong ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện cần đáp ứng mấy yêu cầu chính?

- A. 1
C. 3

- B. 2
D. 4

2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 1, câu 2 học sinh chỉ trả lời đúng hoặc sai và ghi chữ "Đ" hoặc "S" đó vào bài làm.

Câu 21. Phát biểu về chức năng của một số loại mô đun cảm biến bạn An đã đưa ra một số phát biểu sau. Em hãy cho biết đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai?

a) Mô đun cảm biến ánh sáng: là mạch điện được dùng để biến đổi ánh sáng thành tín hiệu điều khiển.

b) Mô đun cảm biến độ ẩm: là mạch điện được dùng để biến đổi độ ẩm của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

c) Mô đun cảm biến nhiệt độ: là mạch điện được dùng để biến đổi áp suất của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

d) Mô đun cảm biến áp suất: là mạch điện được dùng để biến đổi độ ẩm của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

Câu 22. Để đảm bảo an toàn điện *khi sử dụng* Minh đưa ra một số biện pháp an toàn sau. Em hãy cho biết đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai?

a) Kiểm tra cách điện của đồ dùng điện trước khi sử dụng.

b) Không cần nối đất cho các đồ dùng điện có vỏ kim loại thường xuyên tiếp xúc như bình nước nóng, máy giặt, tủ lạnh.

c) Không vi phạm an toàn với lưới điện cao áp và trạm biến áp

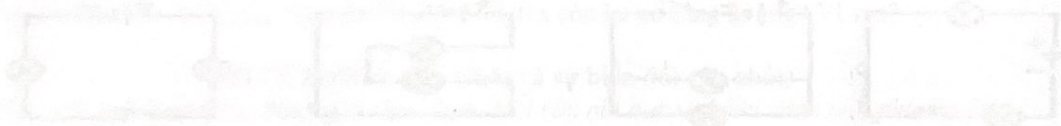
d) Sử dụng các thiết bị đóng, cắt bảo vệ chống quá tải chống rò điện.

II. Tự luận

Câu 1: Em hãy nêu các bước lắp ráp mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến?

Câu 2: Em hãy đề xuất lựa chọn loại mô đun cảm biến cho một mạch điện báo cháy tự động. Nêu vai trò của mô đun cảm biến trong mạch điện đó?

Câu 3: Em cần làm gì khi thấy một người bị điện giật (do bị rò điện ra vỏ) trong lúc mở tủ lạnh lấy đồ?



Môn: KHTN 8

A. LÝ THUYẾT: Học sinh ôn các nội dung sau:

1. KHTN1:

- Dòng điện, nguồn điện, mạch điện đơn giản. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế

2. KHTN2:

- Oxide. Muối.

3. KHTN3:

- Da và điều hoà thân nhiệt ở người. Sinh sản ở người.

- Môi trường và các nhân tố sinh thái. Quần thể sinh vật.

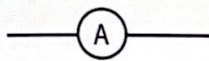
B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (70% trắc nghiệm, 30% tự luận)

C. BÀI TẬP THAM KHẢO

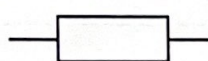
KHTN 1 (Phân môn Năng lượng và sự biến đổi)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kí hiệu nào sau đây là kí hiệu của ampe kế khi vẽ sơ đồ mạch điện?



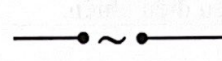
Hình A



Hình B



Hình C



Hình D

A. Hình A.

B. Hình B.

C. Hình C.

D. Hình D.

Câu 2. Dụng cụ đo cường độ dòng điện là

A. vôn kế.

B. ampe kế.

C. oát kế.

D. lực kế.

Câu 3. Một mạch điện gồm ampe kế mắc nối tiếp với một bóng đèn có cường độ định mức 1,55 A. Đèn sẽ sáng bình thường khi ampe kế chỉ

A. 1,75 A.

B. 0,45 A.

C. 1,55 A.

D. 3,1 A.

Câu 4. Dụng cụ đo hiệu điện thế là

A. vôn kế.

B. ampe kế.

C. oát kế.

D. lực kế.

Câu 5. Hai đèn được gọi là mắc song song với nhau nếu chúng có điểm chung

A. một.

B. hai.

C. ba.

D. bốn.

Câu 6. Hai đèn được gọi là mắc nối tiếp với nhau nếu chúng có điểm chung

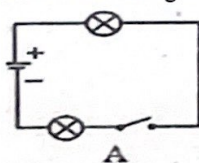
A. một.

B. hai.

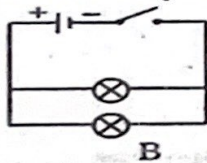
C. ba.

D. bốn.

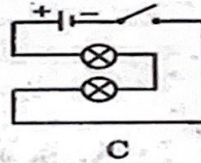
Câu 7. Hai bóng đèn ở sơ đồ nào trong các sơ đồ sau **không** mắc nối tiếp với nhau?



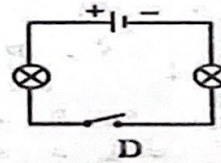
A



B



C



D

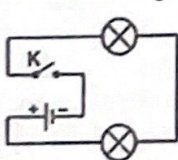
A. Hình A.

B. Hình B.

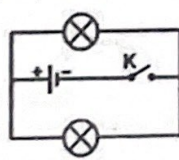
C. Hình C.

D. Hình D.

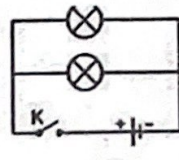
Câu 8. Hai bóng đèn trong mạch điện có sơ đồ nào không mắc song song?



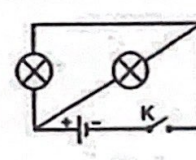
A.



B.



C.



D.

A. Hình A.

B. Hình B.

C. Hình C.

D. Hình D.

Câu 9. Ampe kế nào dưới đây là phù hợp nhất để đo cường độ dòng điện chạy qua bóng đèn pin (Cho phép dòng điện có cường độ lớn nhất là 0,35 A).

A. Ampe kế có giới hạn đo 1A.

B. Ampe kế có giới hạn đo 0,5A.

C. Ampe kế có giới hạn đo 100 mA.

D. Ampe kế có giới hạn đo 2A.

Câu 10. Cho một nguồn điện 12V và hai bóng đèn giống nhau ghi 6V. Để hai đèn sáng bình thường thì phải mắc chúng vào mạch điện như thế nào?

- A. Có thể mắc nối tiếp hoặc song song.
- B. Hai bóng đèn mắc song song với hai cực của nguồn.
- C. Hai bóng đèn mắc nối tiếp với hai cực của nguồn.
- D. Không có cách mắc nào để hai bóng đèn sáng bình thường.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng sau:

Phát biểu	A. Đúng	B. Sai
Câu 11. Trong một mạch điện có hai ampe kế giống nhau, một đặt trước nguồn điện, một đặt sau nguồn điện. Khi đó		
a. số chỉ hai ampe kế là như nhau.		
b. số chỉ hai ampe kế khác nhau.		

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 11. Các bóng đèn dùng trong gia đình được mắc song song là vì để khi một bóng đèn hỏng (đứt dây tóc) thì các bóng đèn còn lại vẫn

Câu 12. Có hai bóng đèn Đ₁ và Đ₂ giống nhau cùng ghi 3 V được mắc song song vào mạch với nguồn điện gồm 2 pin mắc nối tiếp, mỗi pin có ghi 1,5 V. Nếu tháo bỏ bớt đèn Đ₂ đi thì đèn Đ₁ còn lại sẽ có độ sáng ...

Phần IV. Tự luận.

Câu 13. Một mạch điện kín gồm hai bóng đèn Đ₁ và Đ₂ mắc nối tiếp, dây dẫn, nguồn điện, công tắc đóng.

- a. Mạch điện trên hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện?
- b. Vẽ sơ đồ mạch điện.
- c. Xác định chiều dòng điện chạy trong mạch?
- d. Trong mạch điện trên, nếu một bóng đèn bị hỏng thì đèn còn lại có sáng không? Vì sao?

Câu 14. Mạch điện gồm một nguồn điện, hai đèn, hai khóa K sao cho:

Đóng K₁: cả hai đèn cùng sáng

Đóng K₂: hai đèn cùng tắt.

Đóng cả hai khóa: chỉ 1 đèn sáng.

- a. Mạch điện trên hoạt động dựa trên tác dụng nào của dòng điện?
- b. Vẽ sơ đồ mạch điện.
- c. Xác định chiều dòng điện chạy trong mạch?
- d. Trong mạch điện trên, nếu một bóng đèn bị hỏng thì đèn còn lại có sáng không? Vì sao?

KHTN 2 (Phân môn Chất và sự biến đổi của chất)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Chất nào là oxide?

- A. HCl.
- B. Al₂O₃.
- C. Cu(OH)₂.
- D. K₂CO₃.

Câu 2. Hợp chất X được tạo thành từ oxygen và một nguyên tố khác. Chất X thuộc loại chất gì?

- A. Muối.
- B. Acid.
- C. Oxide.
- D. Base.

Câu 3. Chất nào thuộc loại muối?

- A. H₂SO₄.
- B. Fe₂O₃.
- C. Ca(OH)₂.
- D. MgCl₂.

Câu 4. Hợp chất X được tạo thành từ sự thay thế ion H⁺ của acid bằng ion kim loại hoặc ion ammonium (NH₄⁺). Chất X thuộc loại chất gì?

- A. Muối.
- B. Acid.
- C. Oxide.
- D. Base.

Câu 5. Chất nào tác dụng được với dung dịch NaOH?

- A. Na₂O.
- B. Fe₂O₃.
- C. CaO.
- D. SO₃.

Câu 6. Chất nào tác dụng được với dung dịch HCl?

- A. CO₂.
- B. Fe₂O₃.
- C. NaCl.
- D. HNO₃.

Câu 7. Cho sơ đồ phản ứng sau: ? + 2HCl ----> ZnCl₂ + H₂. Chất thích hợp để điền vào vị trí (?) là

- A. Zn(OH)₂.
- B. ZnO.
- C. Zn.
- D. ZnCO₃.

Câu 8. Cho sơ đồ phản ứng sau: CuO + H₂SO₄ ----> ? + H₂O. Chất thích hợp để điền vào vị trí (?) là

- A. Cu₂(SO₄).
- B. CuSO₄.
- C. CuS.
- D. SO₂.

Câu 9. Sodium hydroxide NaOH ở dạng rắn là chất hút ẩm rất mạnh, có thể dùng để làm khô một số chất khí có lẫn hơi nước và không phản ứng với NaOH. Không dùng NaOH rắn để làm khô khí ẩm nào?

- A. Khí N₂. B. Khí CO. C. Khí SO₂. D. Khí H₂.
- Câu 9.** Sodium hydroxide NaOH ở dạng rắn là chất hút ẩm rất mạnh, có thể dùng để làm khô một số chất khí có lẫn hơi nước và không phản ứng với NaOH. Không dùng NaOH rắn để làm khô khí ẩm nào?
A. Khí N₂. B. Khí CO. C. Khí SO₂. D. Khí H₂.
- Câu 10.** Khi để sắt trong không khí ẩm, trên bề mặt của sắt sẽ xuất hiện một lớp gỉ (trong đó chủ yếu là các oxide sắt FeO và Fe₂O₃). Để làm sạch lớp gỉ này, người ta có thể dùng
A. HCl. B. NaCl. C. NaOH. D. H₂O.
- Câu 11.** Một nguyên tố R có hóa trị II. Trong thành phần oxide của R, oxygen chiếm 40% về khối lượng. Công thức oxide đó là gì? (Biết: Cu = 64, O = 16, S = 32, Mg = 24, Al = 27)
A. CuO. B. SO₂. C. MgO. D. Al₂O₃.
- Câu 12.** Kim loại M có hóa trị II. Trong muối sulfate của M, kim loại chiếm 20% về khối lượng. Công thức oxide của muối đó là gì? (Biết: Fe = 56, O = 16, S = 32, Mg = 24, Na = 23, Ca = 40)
A. Fe₂(SO₄)₃. B. Na₂SO₄. C. MgSO₄. D. CaSO₃.

Phần II. Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 13. Gọi tên các oxide sau: Na₂O, CaO, MgO, Al₂O₃, Fe₂O₃, FeO, CuO, CO₂, SO₂, SO₃, N₂O, NO₂, N₂O₅, P₂O₃, P₂O₅.

Câu 14. Cho phương trình phản ứng: $\text{Mg} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{MgCl}_2 + \text{H}_2$.

Biết rằng khi cho 8,4 gam Mg tác dụng với dung dịch HCl thì thu được 23,275 gam MgCl₂. Tính hiệu suất phản ứng.

Phần III. Tự luận.

Câu 15. Hòa tan 4 gam oxide MgO bằng một lượng vừa đủ dung dịch H₂SO₄ 20%.

- Viết PTHH của phản ứng xảy ra.
- Nhúng giấy quỳ tím vào dung dịch trước phản ứng, giấy quỳ đổi thành màu gì?
- Tính khối lượng muối thu được.
- Tính khối lượng dung dịch H₂SO₄ đã dùng.

Câu 16. Hòa tan 8 gam oxide CuO bằng một lượng vừa đủ dung dịch H₂SO₄ 20%.

- Viết PTHH của phản ứng xảy ra.
- Nhúng giấy quỳ tím vào dung dịch trước phản ứng, giấy quỳ đổi thành màu gì?
- Tính khối lượng muối thu được.
- Tính khối lượng dung dịch H₂SO₄ đã dùng.

Câu 17. Hòa tan 15,3 gam bột Al₂O₃ tan hết trong lượng vừa đủ dung dịch H₂SO₄ 24,5%.

- Viết PTHH của phản ứng xảy ra.
- Nhúng giấy quỳ tím vào dung dịch trước phản ứng, giấy quỳ đổi thành màu gì?
- Tính khối lượng muối thu được.
- Tính khối lượng dung dịch H₂SO₄ đã dùng.

(Mg = 24, Fe = 56, Al = 27, O = 16, S = 32, H = 1)

KHTN 3 (Phân môn Vật sống)

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vì sao không nên nặn trứng cá?

- Trứng cá cũng có chức năng giữ nhiệt cho da
- Trứng cá là một bộ phận cần thiết duy trì sự sống của tế bào da
- Tạo ra những vết thương hở ở da
- Khiến lỗ chân lông bị to thành sẹo lồi.

Câu 2. Để điều trị vết bỏng cho người bệnh, người ta đã nghiên cứu, xử lý và sử dụng loại da của loài động vật nào?

- Ếch, lợn
- Ếch, rắn
- Lợn, rắn
- Cá, ếch

Câu 3. Hệ sinh dục của nữ tiết ra hormone

- Estrogen và progesterone.
- Testosterone.
- Somatostatin.
- Insulin.

Câu 4. Hiện tượng thụ tinh chỉ xảy ra khi

- Tinh trùng gặp trứng vào đúng thời điểm thích hợp.
- Tinh trùng được phóng ra khỏi đường dẫn tinh.
- Niêm mạc bong tróc và thoát ra bên ngoài cùng dịch và máu.

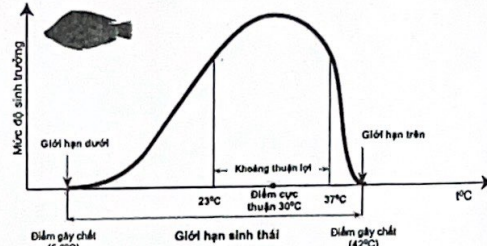
D. Hợp tử di chuyển dọc thành tử cung xoắn, dày và nhiều mạch máu để làm tổ.

Câu 5. Có các loại nhân tố sinh thái nào?

- A. nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh, nhân tố sinh vật.
- B. nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh, nhân tố con người.
- C. nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh, nhân tố ngoại cảnh.
- D. nhân tố vô sinh, nhân tố hữu sinh.

Câu 6. Cá rô phi Việt Nam có giới hạn sinh thái về nhiệt độ từ 5,6°C đến 42°C. Nhận định nào sau đây **không** đúng?

- A. 42°C là giới hạn trên.
- B. 5,6°C là điểm gây chết.
- C. 42°C là điểm gây chết.
- D. 42°C là giới hạn dưới



Câu 7. Loài A có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ từ 21°C đến 35°C, giới hạn chịu đựng về độ ẩm từ 74% đến 96%. Trong 4 loại môi trường sau đây, loài sinh vật này có thể sống ở môi trường nào?

- A. Môi trường có nhiệt độ dao động từ 25°C đến 40°C, độ ẩm từ 8% đến 95%.
- B. Môi trường có nhiệt độ dao động từ 12°C đến 30°C, độ ẩm từ 90% đến 100%.
- C. Môi trường có nhiệt độ dao động từ 25°C đến 30°C, độ ẩm từ 85% đến 95%.
- D. Môi trường có nhiệt độ dao động từ 20°C đến 35°C, độ ẩm từ 75% đến 95%.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng sau:

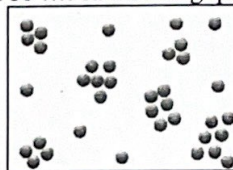
Phát biểu	A. Đúng	B. Sai
Câu 8. Da và điều hoà thân nhiệt ở người		
a. Da có cấu tạo gồm 4 lớp: lớp biểu bì, lớp bì, lớp mỡ dưới da và lớp tuyến		
b. Da đóng vai trò không quan trọng trong việc điều hòa thân nhiệt của cơ thể		
c. Bệnh hắc lao gây ra tổn thương dạng tròn, đóng vảy, ngứa.		
d. Ghép da là việc lấy nhiều phần da của cơ thể đem đi cấy ghép đến vùng da tổn thương cần được thay thế trên cơ thể người.		

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Câu 9. Khi trứng chín và rụng sẽ di chuyển theo ống dẫn trứng về phía tử cung. Tình trạng sau khi phóng vào âm đạo sẽ bơi qua tử cung lên Quá trình tình trạng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử là...

Câu 10. Cá rô phi ở Việt Nam tồn tại ở nhiệt độ từ 5,6 °C đến 42 °C được gọi là ... của cá rô phi.

Câu 11. Sơ đồ dưới đây cho biết kiểu phân bố cá thể trong quần thể



Phần IV. Tự luận.

Câu 12. a. Quần thể là gì? Hãy nêu ví dụ về một số quần thể mà em biết.

b. Mật độ cá thể trong quần thể là gì? Lấy ví dụ.

Câu 13. Có mấy kiểu phân bố? Sự phân bố cá thể có ảnh hưởng gì trong quần thể?

Câu 14. Khi đem một cây phong lan từ rừng rậm về nhà trồng những nhân tố sinh thái tác động lên cây phong lan đó có thể thay đổi như thế nào, ta chú ý điều gì?